

MỤC LỤC

PHẦN I	<i>Gới thiệu chung</i>
PHẦN II	<i>Gới thiệu chung về vai trò và hiệu quả của ứng dụng thuế điện tử trong sản xuất kinh doanh</i>
PHẦN III	<i>Phân tích, đánh giá hiện trạng ứng dụng thuế điện tử của các doanh nghiệp</i>
PHẦN IV	<i>Phân tích kết quả thông tin sử dụng dịch vụ ngành thuế đã cung cấp cho người nộp thuế</i>
PHẦN V	<i>Phân tích, đánh giá các dịch vụ liên quan đến thuế điện tử</i>
PHẦN VI	<i>Đề xuất, hỗ trợ của doanh nghiệp về KKT qua mạng</i>

PHẦN I. *Giới thiệu chung*

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là công cụ hiệu quả để quản lý vĩ mô nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển, giải quyết nhiều vấn đề kinh tế xã hội, để động viên thêm một phần tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân vào Ngân sách Nhà nước nhằm đảm bảo nhu cầu chi tiêu chung của Nhà nước và xã hội.

Hiện nay, việc kê khai và nộp thuế theo phương thức thủ công gây mất nhiều thời gian và tốn kém cho cá nhân và tổ chức nộp thuế. Đối với doanh nghiệp, hình thức kê khai và nộp thuế theo phương pháp thuế truyền thống yêu cầu cán bộ thuế phải nhập lại hồ sơ của doanh nghiệp vào máy tính, hàng tháng doanh nghiệp phải cử nhân viên đến cơ quan thuế để nộp tờ khai mất khá nhiều thời gian. Ngoài ra, việc in các tờ khai thuế tiêu tốn khá nhiều chi phí của doanh nghiệp. Đối với ngành thuế, do số lượng doanh nghiệp càng ngày càng lớn mà nguồn nhân lực, vật lực của ngành thuế có hạn, nên thường xuyên xảy ra các tình trạng quá tải vào thời điểm kê khai và nộp thuế hàng tháng của doanh nghiệp.

Để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về thuế cho doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí và tăng đầu tư cho sản xuất kinh doanh thì việc thực hiện khai thuế từ xa, tiến tới khai thuế điện tử là một tất yếu trong công tác quản lý thuế hiện đại của ngành Thuế cả nước. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hệ thống kê khai và nộp thuế là cần thiết cho việc phát triển kinh tế xã hội và công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta. Theo Quyết định số 732/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/5/2011 về việc phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020, ngành thuế cần hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính theo định hướng chuẩn mực quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng thuế điện tử để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế, phấn đấu đưa Việt Nam thuộc nhóm các nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á trong xếp hạng mức độ thuận lợi về thuế vào năm 2020.

Từ cuối năm 2009, Tổng cục Thuế bắt đầu triển khai thuế điện tử. Thuế điện tử là một hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ thuế cho các tổ chức, cá nhân bên ngoài ngành Thuế. Các dịch vụ thuế điện tử gồm: cung cấp qua mạng các thông tin tham khảo liên quan đến lĩnh vực thuế, đối thoại hỏi đáp trực tiếp, đăng ký thuế, nộp tờ khai, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế và giải quyết khiếu nại tố cáo của người nộp thuế... nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, giảm thiểu chi phí, thời gian, thủ tục và giấy tờ. Thuế điện tử mang lại rất nhiều lợi ích thiết thực cho cả người nộp thuế lẫn cơ quan thuế.

Tuy nhiên, hiện nay Thuế điện tử chưa phải bắt buộc ứng dụng đối với doanh nghiệp. Điều này dẫn đến việc một số bộ phận doanh nghiệp vẫn kê khai và nộp thuế theo phương thức truyền thống, phần còn lại theo phương thức mới là thuế điện tử. Thực trạng này hiện nay cho thấy một số tồn tại sau:

- Sự không đồng bộ trong việc xử lý thuế tại các cơ quan thuế.
- Việc ứng dụng kê khai thuế qua mạng mới chỉ tập trung vào các thành phố lớn nơi doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thông tin về thuế và các dịch vụ hỗ trợ kê khai thuế qua mạng. Đa số các doanh nghiệp tại các tỉnh thành vẫn đang còn e ngại áp dụng hình thức kê khai mới này, đặc biệt là doanh nghiệp vùng sâu, vùng xa, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ còn yếu kém về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh.
- Hai vấn đề trên đã làm giảm tính hiệu quả của thuế điện tử, những lợi ích thiết thực cho người nộp thuế và cơ quan thuế chưa được phát huy.

Để tiến tới đồng bộ hóa doanh nghiệp cả nước tham gia thuế điện tử, rất thiết phải huy động nguồn lực trong toàn xã hội để hỗ trợ các doanh nghiệp,

Trong lộ trình sắp tới, Tổng cục Thuế sẽ yêu cầu tất cả các doanh nghiệp có đủ điều kiện sẽ phải tham gia Thuế điện tử. Để tiến đến mục tiêu 300.000 doanh nghiệp sử dụng kê khai và nộp thuế điện tử năm 2015 là cả một thách thức không chỉ đối với ngành thuế nói riêng mà toàn xã hội nói chung.

Tính đến thời điểm tháng 06/2012, theo báo cáo của Tổng cục Thuế, việc kê khai thuế điện tử đã triển khai tại 50 tỉnh/thành phố. Đã có 127.526 người nộp thuế (NNT) đăng ký dịch vụ khai thuế điện tử; khai thuế điện tử trực tiếp với cơ quan thuế: 89.950 NNT thực hiện kê khai thuế điện tử hàng tháng; khai thuế điện tử qua

dịch vụ giá trị gia tăng về thuế (T-VAN): đã có 24.430 NNT thực hiện kê khai thuế điện tử hàng tháng. Như vậy sau một thời gian triển khai, mặc dù đã đạt nhiều thành quả đáng ghi nhận và tốc độ phát triển tương đối cao thì việc thực hiện kê khai thuế điện tử thì số lượng doanh nghiệp cũng mới chiếm khoảng 20%.

Để thực hiện tốt hội nhập quốc tế, tăng tính hiệu quả trong việc kê khai và thu thuế, việc tuyên truyền, phổ biến hỗ trợ cho người và doanh nghiệp nộp thuế là việc làm cấp thiết để nâng cao nhận thức cho người nộp thuế, đạt được mục tiêu đã đề ra của Tổng cục Thuế là đến năm 2015 sẽ có khoảng 300,000 doanh nghiệp khai và nộp thuế điện tử, từ đó đảm bảo nguồn thu ngân sách quốc gia thông qua thuế...

Thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong việc kê khai và nộp thuế điện tử cần có 1 cuộc khảo sát tổng thể về thực trạng kê khai, tra cứu thông tin, nộp và hoàn thuế điện tử của doanh nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu có liên quan:

Năm 2010, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Tổng cục Thuế tổ chức cuộc điều tra nghiên cứu về độ sẵn sàng của doanh nghiệp trong công tác triển khai thuế điện tử. Tính đến nay, sau hơn 3 năm triển khai, cuộc điều tra về thực trạng nhằm đưa ra các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt hơn công tác này là một điều cần thiết và hợp lý.

3. Mục tiêu điều tra, nghiên cứu

Tổ chức điều tra, khảo sát để nắm rõ thực trạng kê khai thuế điện tử trên phạm vi toàn quốc. Bản câu hỏi có cấu trúc sẽ được xây dựng và gửi tới các doanh nghiệp để xác định về thực trạng và khả năng kê khai thuế điện tử của từng doanh nghiệp. Kết quả điều tra sẽ được phân tích, đánh giá và kết luận về khả năng tham gia kê khai thuế điện tử của các doanh nghiệp. Từ các kết quả phân tích thống kê xác định từng nhóm doanh nghiệp với các khả năng tham gia khác nhau, từ đó đề ra những giải pháp hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm doanh nghiệp để họ có khả năng tham gia vào hệ thống một cách nhanh và bền vững nhất.

Nhóm doanh nghiệp điều tra có thể được chia theo nhiều tiêu chí khác nhau như: vùng địa lý (miền núi, đồng bằng, thành thị, nông thôn), tổng tiền thuế thu được của địa phương hàng năm, GDP của địa phương, địa phương có nhiều/ít hoạt động xuất

nhập khẩu; dân số, thu nhập đầu người...

Đề xuất Tổng cục thuế cung cấp cơ sở dữ liệu (danh sách) của các doanh nghiệp kê khai thuế điện tử. Phân tích và kết luận những yếu tố giúp các doanh nghiệp kê khai thuế tự nguyện và hiệu quả, từ đó đưa ra những giải pháp cho những doanh nghiệp chưa thực hiện.

- Số lượng doanh nghiệp điều tra: 1.000 doanh nghiệp trên địa bàn toàn quốc (miền Bắc: 400 phiếu, miền Trung: 200 phiếu, miền Nam: 400 phiếu).

Số lượng phiếu điều tra tại các tỉnh cụ thể như sau:

Khu vực Miền Bắc: Hà Nội có 334 phiếu, Thái Nguyên có 73 phiếu

Khu vực Miền Nam: HCM có 90 phiếu, Kiên Giang có 60 phiếu, Tiền Giang: 50 phiếu, Cần Thơ: 70 phiếu; Bạc Liêu: 30 phiếu

Khu vực Miền Trung: Nghệ An 140 phiếu, Đà Nẵng có 13 phiếu và Quảng Bình có 42 phiếu

- Đơn vị phối hợp: Cục Thuế các địa phương

Kết quả điều tra và đánh giá sẽ được xây dựng thành các nhóm đề xuất biện pháp hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm doanh nghiệp trình lên Tổng cục thuế. Các biện pháp hỗ trợ có thể bao gồm: hội thảo, hội nghị, tập huấn, cung cấp tài liệu, tuyên truyền, quảng bá. Ngoài ra các đề xuất cũng bao gồm những đóng góp ý kiến của các doanh nghiệp về hệ thống kê khai thuế điện tử hiện nay (tính năng, giao diện, khả năng tương tác, tính hiệu quả) mà Tổng cục Thuế đang áp dụng để Tổng cục phát triển và chỉnh sửa hệ thống phù hợp và đáp ứng được các yêu cầu của các doanh nghiệp.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa để trên cơ sở đó cơ quan quản lý Nhà nước tham khảo trong việc hoạch định chính sách, tạo ra sự phối hợp đồng bộ nhằm mang lại hiệu quả cao trong quản lý thuế, mang lại lợi ích cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Các tiêu chí để xác định quy mô doanh nghiệp dựa theo Luật Doanh nghiệp 2010 và Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 về trợ giúp phát triển

DNNVV. Nghị định này xác định DNNVV theo tiêu chí vốn và số lao động. Cụ thể, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và xây dựng được coi là DNNVV nếu có số vốn không quá 20 tỷ đồng và số lao động từ 10 – 300 người, còn trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, vốn không quá tỷ đồng và số lao động trên 10 đến 100 người.

5. Phạm vi nghiên cứu và kế hoạch thực hiện khảo sát

Nghiên cứu đã tiến hành điều tra bằng bảng hỏi ở các doanh nghiệp đang ứng dụng kê khai và nộp thuế điện tử trên địa bàn cả nước.

Hiện nay, Việt Nam được phân chia theo 63 tỉnh, thành phố

- **Vùng Đông Bắc** gồm các tỉnh : Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh.
- **Vùng Tây Bắc** gồm Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên.
- **Vùng 2 - Đồng bằng sông Hồng** gồm : Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình.
- **Vùng 3 - Bắc Trung Bộ** gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
- **Vùng 4 – Duyên hải miền Trung** gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.
- **Vùng 5 – Tây Nguyên** gồm Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Nông.
- **Vùng 6 – Đông Nam Bộ** gồm TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- **Vùng 7 - Đồng bằng sông Cửu Long** gồm Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.

Phạm vi khảo sát đề xuất của đề tài là vùng 2, vùng 3 và vùng 6. Số DNN&V dự kiến khảo sát sẽ là các doanh nghiệp thỏa mãn các tiêu chí theo Luật Doanh nghiệp 2010 và Nghị định 56/2009/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, nghiên cứu này sẽ thực hiện phỏng vấn sâu lãnh đạo của ít nhất 5 doanh nghiệp và các chuyên gia thuế về tình hình ứng dụng kê khai và nộp thuế

điện tử trong doanh nghiệp.

6. Phương pháp và các bước nghiên cứu

Tổ chức điều tra, khảo sát để nắm rõ thực trạng kê khai thuế điện tử trên phạm vi toàn quốc. Bản câu hỏi có cấu trúc sẽ được xây dựng và gửi tới các doanh nghiệp để xác định về thực trạng và khả năng kê khai thuế điện tử của từng doanh nghiệp. Kết quả điều tra sẽ được phân tích, đánh giá và kết luận về khả năng tham gia kê khai thuế điện tử của các doanh nghiệp. Từ các kết quả phân tích thống kê xác định từng nhóm doanh nghiệp với các khả năng tham gia khác nhau, từ đó đề ra những giải pháp hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm doanh nghiệp để họ có khả năng tham gia vào hệ thống một cách nhanh và bền vững nhất.

Nhóm doanh nghiệp điều tra có thể được chia theo nhiều tiêu chí khác nhau như: vùng địa lý (miền núi, đồng bằng, thành thị, nông thôn), tổng tiền thuế thu được của địa phương hàng năm...

Nội dung khảo sát gồm 4 phần lớn, 16 câu hỏi với nhiều nội dung chi tiết, cụ thể là:

- Các thông tin chung về doanh nghiệp được điều tra
- Thông tin hiện trạng về cơ sở hạ tầng phục vụ kê khai thuế qua mạng
- Thông tin sử dụng dịch vụ ngành thuế đã cung cấp cho người nộp thuế
- Thông tin nêu rõ nhu cầu hỗ trợ cụ thể để triển khai kê khai thuế qua mạng

7. Các bước tiến hành điều tra :

Bước 1: Viện Tin học doanh nghiệp và Tổng Cục thuế ký kết thoả thuận hợp tác triển khai

Bước 2: Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, đại diện các DN, Tổng Cục thuế đã cùng Viện tin học hoàn chỉnh Mẫu phiếu điều tra mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp khi tham gia kê khai thuế qua mạng

Bước 3: Đơn vị triển khai tổ chức in phiếu điều tra và phối hợp với Tổng cục Thuế hướng dẫn cho tất cả các cộng tác viên tham gia điều tra.

Bước 4: Giai đoạn tiến hành điều tra: đơn vị thực hiện điều tra cử cán bộ liên hệ giám sát, nhắc nhở các cộng tác viên tham gia điều tra và thu thập số liệu.

Bước 5: Đơn vị thực hiện điều tra tiến hành nhập dữ liệu vào hệ thống phần mềm

Bước 6: Đơn vị điều tra xử lý số liệu và Mời chuyên gia phân tích.

- Thông tin chung về doanh nghiệp ứng dụng thuế điện tử
- Thông tin điều tra bằng bảng hỏi tới doanh nghiệp
- Thông tin trao đổi trực tiếp với các cán bộ cao cấp ở các cơ quan TW và một số tỉnh, thành phố
- Xử lý thông tin qua các phương pháp định tính và định lượng

Bước 7: Viết báo cáo kết quả và nghiệm thu

PHẦN II

Gới thiệu chung về vai trò và hiệu quả của ứng dụng thuế điện tử trong sản xuất kinh doanh của DN

Từ cuối năm 2009, ngành thuế đã ứng dụng và triển khai hệ thống phần mềm Kế khai và nộp tờ khai thuế qua mạng Internet cho đối tượng sử dụng là các Doanh nghiệp hoạt động tại Việt nam.

Hệ thống này là một ứng dụng phần mềm tin học, cho phép các Doanh nghiệp đăng nhập vào hệ thống phần mềm qua mạng Internet và thực hiện các nghiệp vụ chính như sau

- Kế khai các tờ khai thuế phát sinh của Doanh nghiệp theo nghĩa vụ kê khai thuế
- Sử dụng chữ ký số công cộng đã tổ chức cung cấp chữ ký số công cộng cấp phát để ký xác nhận về nội dung thông tin trên tờ khai thuế đã kê khai
- Gửi tờ khai thuế cho cơ quan thuế qua mạng Internet
- Nhận và tra cứu các thông báo từ cơ quan thuế trả về.

Doanh nghiệp muốn thực hiện Kế khai và nộp tờ khai thuế qua mạng với cơ quan thuế thì Doanh nghiệp phải có chữ ký số công cộng và phải đăng ký kê khai thuế qua mạng với Tổng cục thuế hoặc Đăng ký qua các công ty đã được Tổng cục thuế cấp phép cung cấp dịch vụ thuế điện tử (T-VAN).

Một số nhà cung cấp dịch vụ thuế điện tử (T-VAN) hiện nay cũng đã phối hợp chặt chẽ với các nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng để cung cấp dịch vụ trọn gói và làm toàn bộ các thủ tục đăng ký, cấp phát... cho Doanh nghiệp, cá nhân, tạo thuận tiện tối đa cho các Doanh nghiệp khai thuế qua mạng.

Hiện nay tại Việt Nam đã có 06 nhà cung cấp được phép cung cấp dịch vụ thuế điện tử (T-VAN) là các tổ chức:

- Công ty Seatech
- Công ty Viettel
- Công ty Thái Sơn

- Công ty BKAV
- Công ty FPT
- Công ty TS24,

Với các định nghĩa và nội dung mô tả như trên sẽ giúp Doanh nghiệp, cá nhân có thể phân biệt rõ về các nội dung dịch vụ cụ thể và hiểu rõ các quy trình đăng ký, cấp phát... khi làm việc với nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng và nhà cung cấp dịch vụ kê khai thuế qua mạng.

Khai thuế qua mạng, Doanh nghiệp được lợi ích gì?

- Giảm được thời gian, chi phí và nhân lực cho doanh nghiệp khi thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế vì không phải in tờ khai và bảng kê bằng giấy, không phải đến cơ quan Thuế để nộp tờ khai;
- Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế sẽ hỗ trợ việc tính toán, kiểm tra lỗi không cố ý khi kê khai;
- Ở bất kỳ nơi nào có kết nối internet, Doanh nghiệp gửi hồ sơ khai thuế 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần, thông tin và số liệu kê khai của Doanh nghiệp được gửi đến cơ quan Thuế nhanh chóng, chính xác;
- Doanh nghiệp được tra cứu, xem, in và tải các loại tờ khai thuế, Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế nhanh chóng;
- Việc lưu trữ hồ sơ khai thuế được an toàn, bảo mật; thuận tiện hơn và có tính pháp lý cao hơn;
- Cả nước đã có hơn 95.000 Doanh nghiệp áp dụng khai thuế qua mạng. Vì sao Doanh nghiệp chưa thực hiện để được hưởng những lợi ích tiến bộ?

PHẦN III.

Phân tích, đánh giá hiện trạng ứng dụng thuế điện tử của các doanh nghiệp

Cuộc điều tra về thực trạng triển khai các dịch vụ thuế điện tử 2013 nằm trong khuôn khổ “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp kê khai, tra cứu thông tin, nộp và hoàn thuế điện tử trên diện rộng giai đoạn 2013-2015” và được tiến hành trên số lượng mẫu điều tra là 1000 doanh nghiệp nhỏ và vừa của 3 miền trên cả nước.

Để hiểu rõ hơn về các doanh nghiệp tham gia điều tra và thông tin hiện trạng cơ sở hạ tầng phục vụ kê khai thuế qua mạng cũng như hiểu rõ thông tin sử dụng các dịch vụ ngành thuế đã cung cấp sẽ làm cơ sở vững chắc cho các cơ quan, ban, ngành đề ra những giải pháp hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm doanh nghiệp để họ có khả năng tham gia vào hệ thống kê khai thuế qua mạng một cách nhanh và bền vững nhất. Tất cả các vấn đề này sẽ được thể hiện rất rõ thông qua kết quả của cuộc điều tra này.

1. Loại hình doanh nghiệp tham gia điều tra

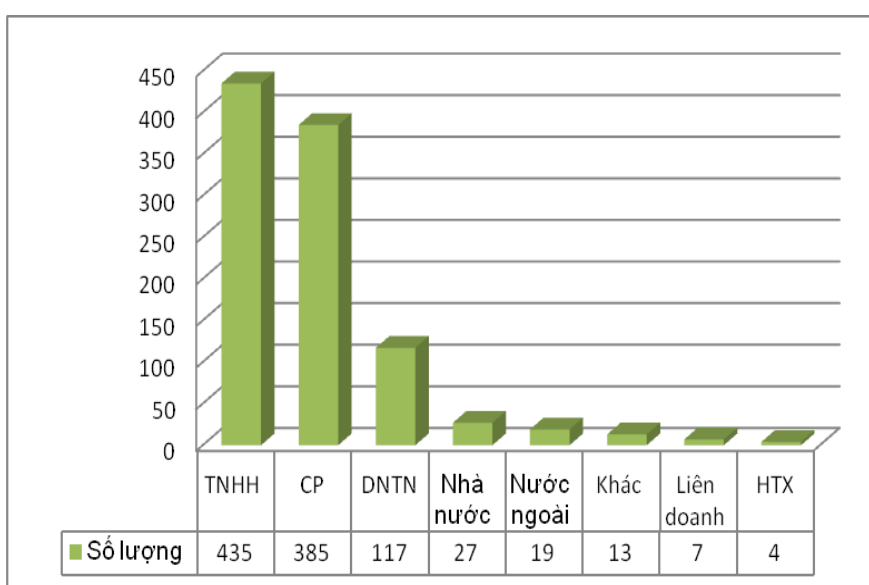
Trong số 1000 doanh nghiệp tham gia điều tra có 435 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 42,98% số doanh nghiệp thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn. Có 385 doanh nghiệp thuộc loại hình công ty cổ phần tương ứng với tỷ lệ 38,04%. Một loại hình doanh nghiệp cũng chiếm tỷ lệ tương đối trong đợt điều tra này đó là doanh nghiệp tư nhân với số lượng 117 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 11,56%. Đó là 3 loại hình chủ yếu trong điều tra này. Ngoài ra các loại hình khác vẫn có nhưng chiếm số lượng ít hơn. Chẳng hạn như công ty nhà nước có số lượng 27 tương ứng với tỷ lệ 2,67%, doanh nghiệp nước ngoài có 19 công ty ứng với tỷ lệ 1,88%, liên doanh 7 công ty ứng với tỷ lệ 0,69%, hợp tác xã, tổ hợp tác có 4 ứng với tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể.

Bảng liệt kê và các biểu đồ sau sẽ thể hiện rất rõ số lượng và tỷ lệ các doanh nghiệp điều tra được phân chia theo loại hình doanh nghiệp

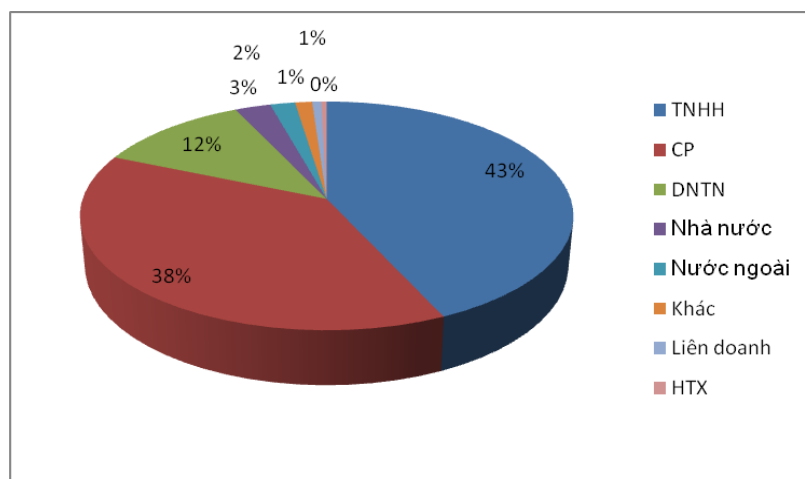
STT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trách nhiệm hữu hạn	435	42,98%

2	Công ty cổ phần	385	38,04%
3	Doanh nghiệp tư nhân	117	11,56%
4	Nhà nước	27	2,67%
5	Nước ngoài	19	1,88%
6	Khác	13	1,28%
7	Liên doanh	7	0,69%
8	Hợp tác xã, tổ hợp tác xã	4	0,4%

Bảng 1: Loại hình DN điều tra thực trạng triển khai các dịch vụ E-tax 2013



Biểu đồ 1a: Loại hình doanh nghiệp tham gia điều tra theo số lượng



Biểu đồ 1b: Loại hình doanh nghiệp tham gia điều tra theo tỷ lệ

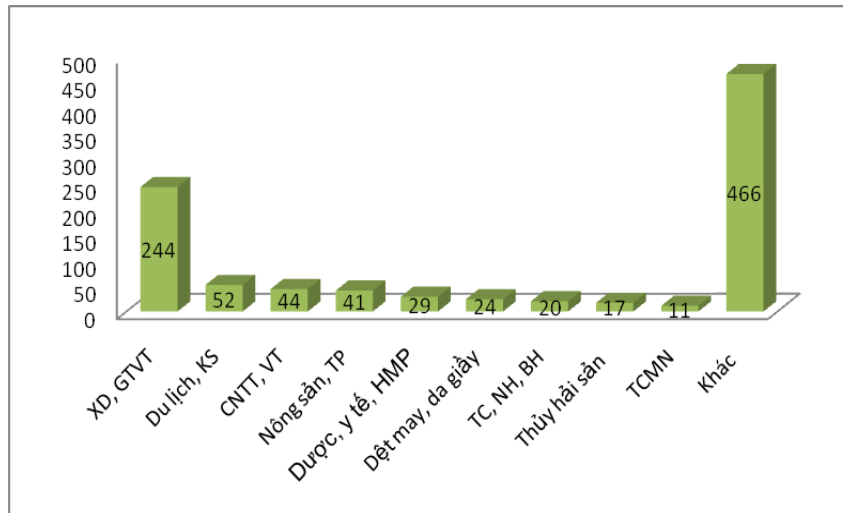
2. Ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp

Các doanh nghiệp tham gia điều tra lần này thuộc các ngành nghề kinh doanh khác nhau. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp trong ngành xây dựng, giao thông vận tải chiếm số lượng lớn với tổng số 244 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 24,11%. Có 52 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch, khách sạn tương ứng với tỷ lệ 5,14%. Ngành công nghệ thông tin, viễn thông có 44 doanh nghiệp tương ứng với 4,35%. Ngành dược, y tế, hóa mỹ phẩm có 29 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 2,87%. Ngành dệt may, da giày có 24 doanh nghiệp ứng với 2,37%. Ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm có 20 doanh nghiệp ứng với 1,98%. Một số ngành khác như sản xuất, chế biến thủy hải sản có 17 doanh nghiệp ứng với 1,68% và ngành thủ công mỹ nghệ có 11 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ rất nhỏ 1,09%. Ngoài những ngành đã nêu trên các doanh nghiệp còn lại thuộc các lĩnh vực khác nhau và chiếm tỷ lệ rất lớn với 466 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 46,05%.

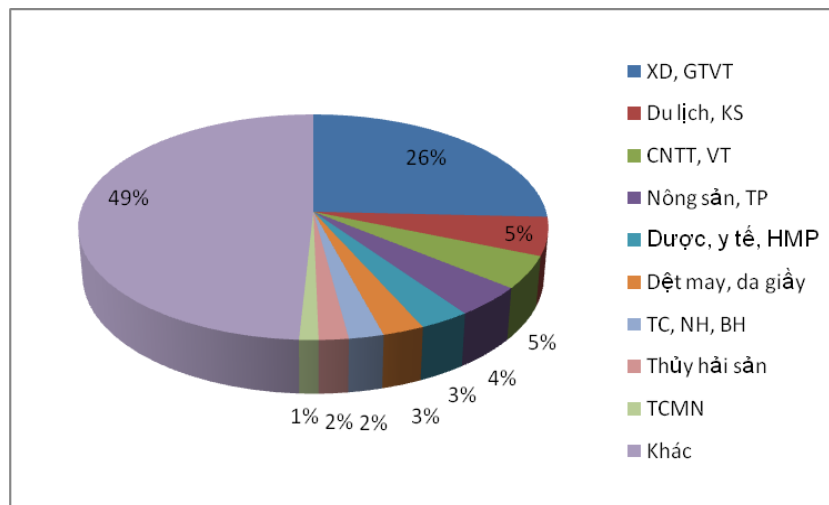
STT	Ngành nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Xây dựng giao thông vận tải	244	24,11%
2	Du lịch, khách sạn	52	5,14%
3	CNTT, viễn thông	44	4,35%
4	SX, cb nông sản thực phẩm	41	4,05%
5	Dược, y tế, hóa mỹ phẩm	29	2,87%
6	Dệt may, da giày	24	2,37%
7	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	20	1,98%
8	SX, cb thủy hải sản	17	1,68%
9	Thủ công mỹ nghệ	11	1,09%
10	Khác	466	46,05%

Bảng 2: Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp tham gia điều tra

Biểu đồ sau đây sẽ thể hiện rõ hơn số lượng và tỷ lệ ngành nghề các doanh nghiệp tham gia điều tra



Biểu đồ 2a: Ngành nghề doanh nghiệp tham gia điều tra theo số lượng



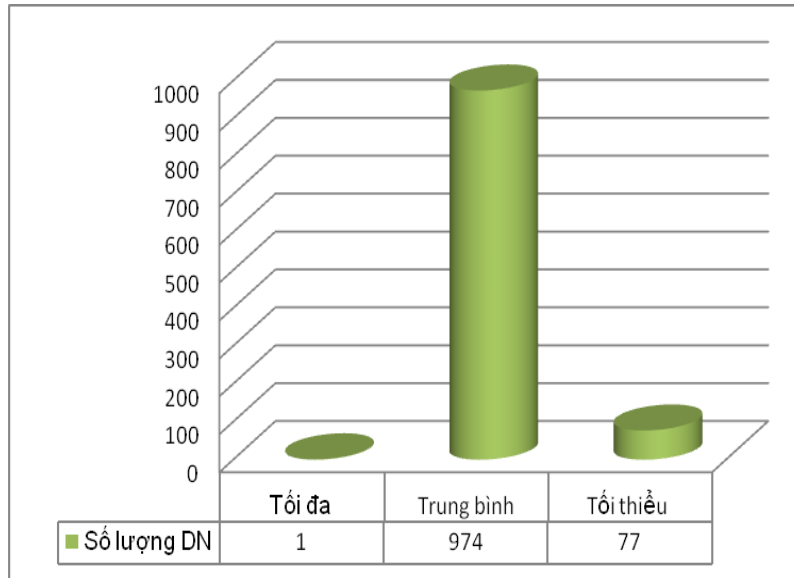
Biểu đồ 2b: Ngành nghề doanh nghiệp tham gia điều tra theo tỷ lệ

3. Tình hình kê khai thuế của doanh nghiệp

Về tình hình kê khai thuế hàng tháng của doanh nghiệp theo kết quả điều tra này được đề cập trên 4 phương diện.

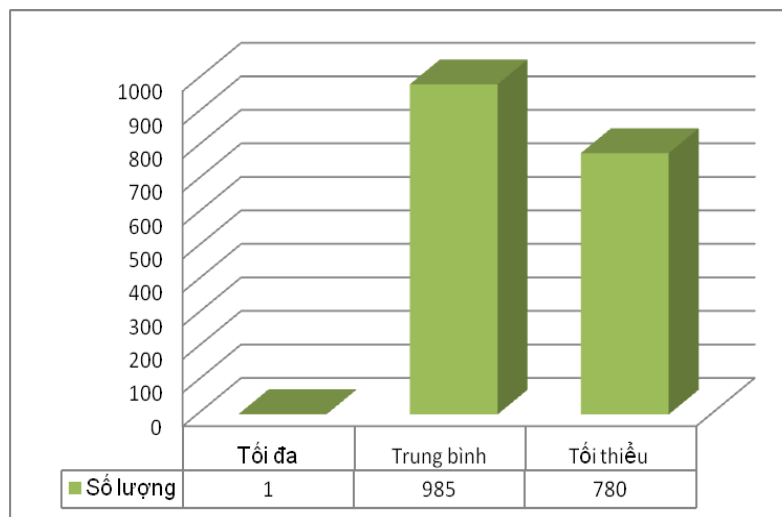
Thứ nhất là số lượng trang hồ sơ thuế hàng tháng doanh nghiệp phải kê khai. Theo kết quả điều tra thì có tới 974 doanh nghiệp được điều tra tương ứng với tỷ lệ 96,25% cho rằng họ phải kê khai trung bình khoảng 13 trang hồ sơ khai thuế hàng tháng. Có 77 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 7,61% cho rằng họ kê khai thuế tối thiểu 1 trang. Chỉ có 1 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể cho rằng kê khai thuế

tối đa 500 trang hồ sơ. Kết quả này được thể hiện rất rõ qua các biểu đồ sau:



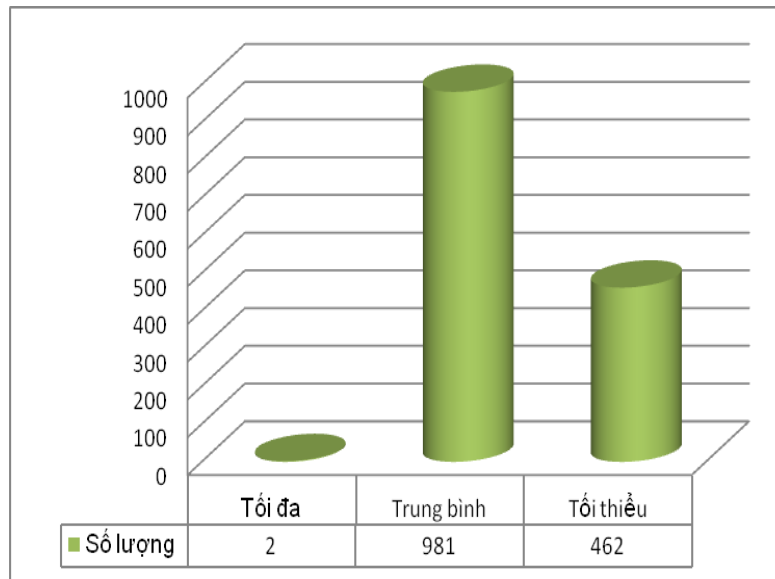
Biểu đồ 3a: Số lượng DN kê khai số trang hồ sơ thuế hàng tháng theo các mức

Liên quan đến tình hình kê khai thuế hàng tháng của doanh nghiệp có 1 vấn đề rất được quan tâm đó là nhân sự hàng tháng doanh nghiệp sử dụng để kê khai thuế. Theo kết quả điều tra này thì các DN phần lớn có 1 đến 2 người là cán bộ kê khai thuế hàng tháng. Có 974 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 97,33% sử dụng nhân sự như vậy. Trong số đó, số lượng doanh nghiệp chỉ cần 1 người kê khai thuế cũng chiếm tỷ lệ rất lớn với 780 doanh nghiệp



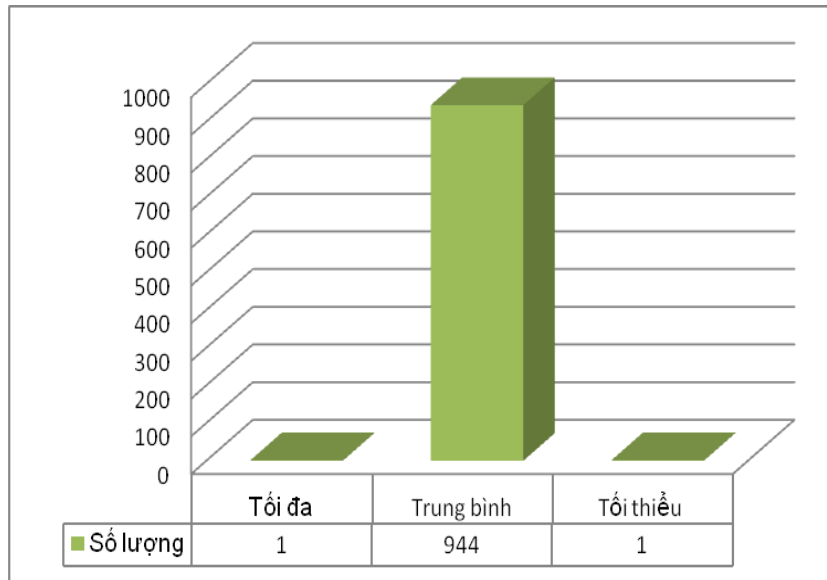
Biểu đồ 3b: Số lượng DN sử dụng nhân sự kê khai thuế hàng tháng theo các mức

Một vấn đề cũng rất quan trọng liên quan đến tình hình kê khai thuế hàng tháng của doanh nghiệp đó là số lượng nhân viên biết sử dụng các phần mềm máy tính cơ bản phục vụ kê khai thuế. Theo kết quả điều tra này thì phần lớn các doanh nghiệp có từ 2 đến 3 người biết sử dụng các phần mềm này. Đây là mức trung bình và chiếm số lượng tối đa với 981 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 96,94%. Có 462 doanh nghiệp có số lượng nhân viên biết sử dụng các phần mềm này ở mức tối thiểu tức là có 1 người tương ứng với tỷ lệ 45,65%. Số lượng doanh nghiệp có đến 50 người biết sử dụng các phần mềm kê khai thuế tức là ở mức tối đa chỉ có 2 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể.



Biểu đồ 3c: Số lượng DN có SL nhân viên biết sử dụng các phần mềm KKT theo các mức độ

Ngoài ba vấn đề được đề cập ở trên thì trong điều tra này cũng đề cập đến trường hợp khi không nộp tờ khai qua hệ thống khai thuế qua mạng (iHTKK), trung bình doanh nghiệp phải mất bao nhiêu thời gian để hoàn thành việc nộp hồ sơ khai thuế. Phần lớn các doanh nghiệp mất khoảng thời gian trung bình từ 9 đến 10 giờ để hoàn thành việc nộp hồ sơ khai thuế. Có đến 944 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 92,38% ở mức này. Số lượng doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian để kê khai thuế chỉ có 1 doanh nghiệp và số lượng doanh nghiệp chỉ mất dưới 1 giờ để kê khai thuế cũng chỉ có 1 doanh nghiệp và các mức độ này chiếm tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể



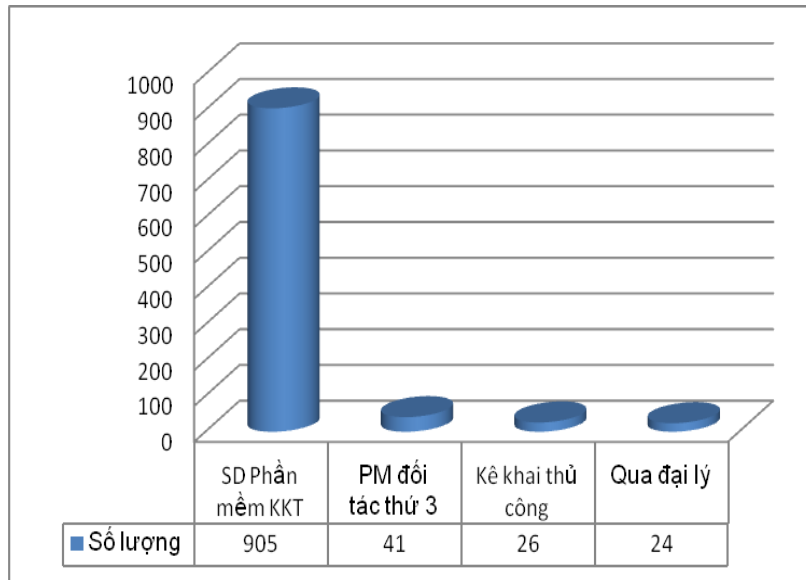
Biểu đồ 3d: Số lượng DN có thời gian kê khai thuế theo các mức độ

4. Hình thức kê khai thuế

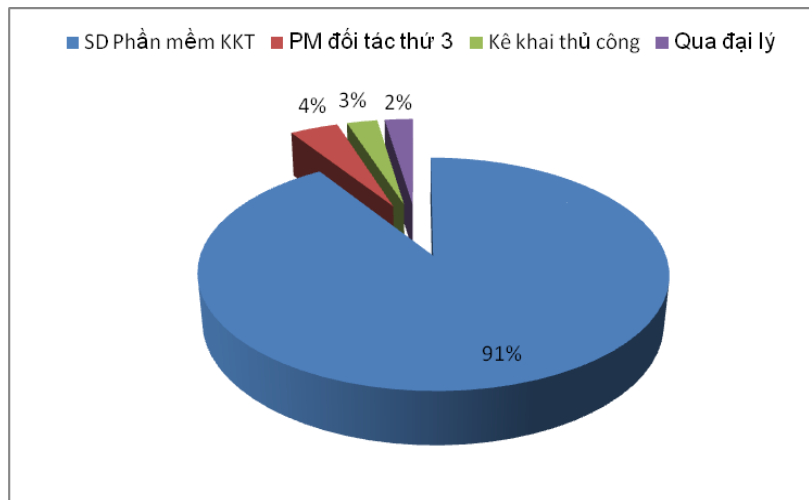
Về hình thức kê khai thuế thông thường có 4 cách thức mà hiện nay vẫn được các doanh nghiệp sử dụng. Đó là kê khai thuế thủ công, cách thứ hai là sử dụng phần mềm kê khai thuế (HTKK) của Tổng Cục thuế, cách thứ ba là có phần mềm đối tác thứ 3 kết xuất theo mẫu của cơ quan thuế và hình thức thứ tư là thông qua đại lý thuế hoặc kế toán thuế thuê ngoài.

Theo kết quả điều tra này thì các doanh nghiệp sử dụng hình thức dùng phần mềm kê khai thuế (HTKK) của Tổng cục thuế là chủ yếu với số lượng rất lớn là 905 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 89,43%. Đây được coi là hình thức rất phổ biến đối với các doanh nghiệp hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp được điều tra nói riêng. Có 41 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 4,05% có phần mềm đối tác thứ 3 kết xuất theo mẫu của cơ quan thuế. Có 26 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ rất nhỏ 2,57% kê khai thuế thủ công và chỉ có 24 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 2,37% sử dụng hình thức thông qua đại lý thuế hoặc kế toán thuế thuê ngoài.

Biểu đồ sau sẽ thể hiện rõ số lượng và tỷ lệ của các hình thức kê khai thuế hiện nay của các doanh nghiệp được điều tra lần này.



Biểu đồ 4a: Số lượng DN sử dụng các hình thức kê khai thuế



Biểu đồ 4b: Tỷ lệ DN sử dụng các hình thức kê khai thuế

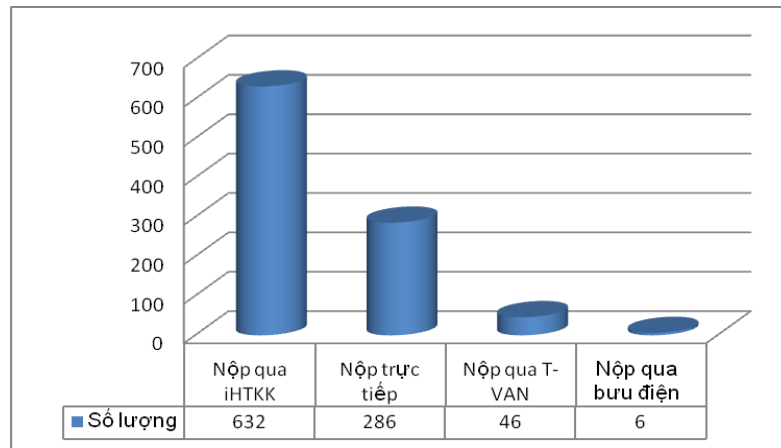
5. Hình thức nộp tờ khai

Về hình thức nộp tờ khai thuế hiện nay các doanh nghiệp nói chung đều sử dụng một trong bốn hình thức chủ yếu là nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, nộp qua bưu điện hoặc nộp tờ khai thuế qua mạng qua hệ thống iHTKK của Tổng cục thuế hoặc một hình thức khác là nộp tờ khai thuế qua mạng của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

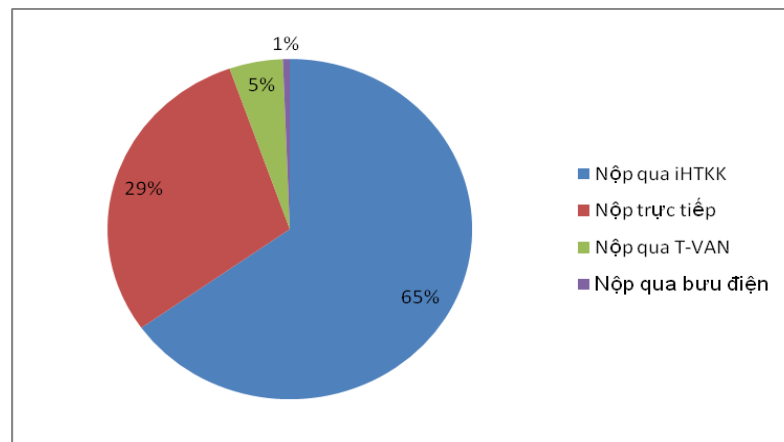
Theo kết quả điều tra này thì hình thức nộp tờ khai thuế được các doanh nghiệp ưa chuộng hơn cả là nộp qua mạng qua hệ thống iHTKK của Tổng Cục thuế. Hình

thức này chiếm số lượng rất lớn với tổng số 632 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 62,45%. Tiếp đến là hình thức nộp trực tiếp tại cơ quan thuế với số lượng 286 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 28,26%. Hình thức nộp tờ khai thuế qua mạng của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo như điều tra này chỉ có 46 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 4,55%. Đó là các hình thức chủ yếu hiện nay các doanh nghiệp hay sử dụng. Đối với hình thức nộp tờ khai thuế qua bưu điện hiện nay giảm rất nhiều và chỉ còn 6 doanh nghiệp ứng dụng tương đương với tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể.

Kết quả này thể hiện rất rõ thông qua biểu các biểu đồ dưới đây.



Biểu đồ 5a: Số lượng DN nộp tờ kê khai thuế theo các hình thức khác nhau

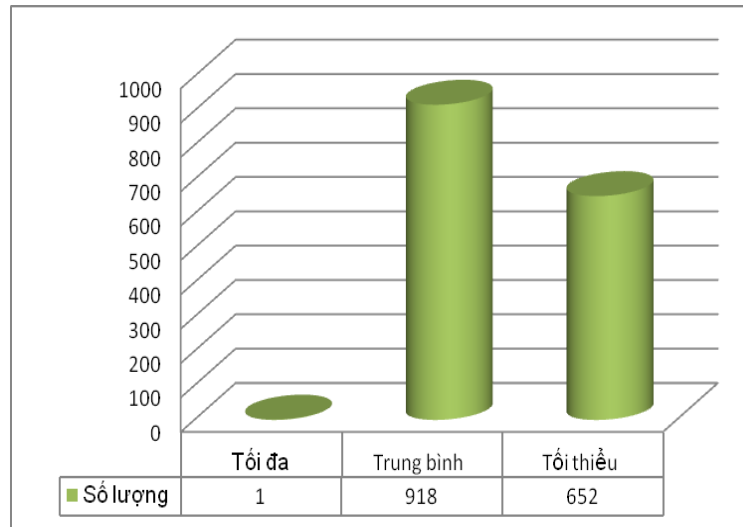


Biểu đồ 5b: Tỷ lệ DN nộp tờ kê khai thuế theo các hình thức khác nhau

6. Số lượng máy tính phục vụ công tác kê khai và nộp thuế

Các doanh nghiệp được điều tra hầu như đều có máy tính để phục vụ công tác

kê khai và nộp thuế. Số lượng doanh nghiệp có sử dụng từ 1 đến 2 máy tính để phục vụ công tác này chiếm số lượng rất lớn với tổng số 918 doanh nghiệp. Trong đó số doanh nghiệp chỉ sử dụng 1 máy tính để kê khai và nộp thuế đã chiếm số lượng 652 doanh nghiệp. số doanh nghiệp sử dụng nhiều máy tính để kê khai thuế chỉ chiếm số lượng rất ít, không đáng kể.



Biểu đồ 6: Số lượng DN sử dụng máy tính để bàn để kê khai thuế theo các mức độ

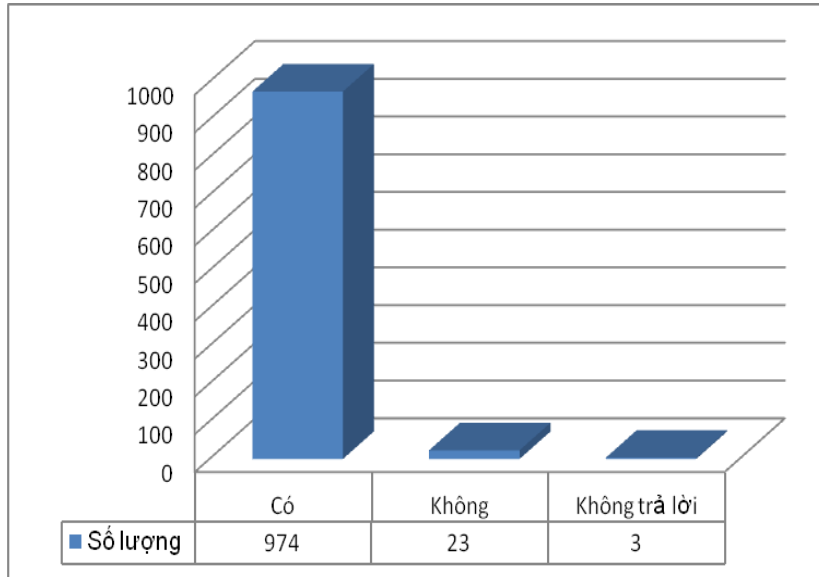
Bên cạnh việc sử dụng máy tính để bàn để phục vụ công tác kê khai và nộp thuế thì các doanh nghiệp cũng thường xuyên sử dụng máy tính xách tay để kê khai. Các doanh nghiệp thông thường sử dụng từ 1 đến 2 máy tính xách tay (mức trung bình) để phục vụ công tác kê khai thuế. Có 327 doanh nghiệp sử dụng ở mức này. Trong đó có 238 doanh nghiệp dùng 1 máy tính xách tay để kê khai thuế.

Hiện nay cũng có 1 số doanh nghiệp sử dụng máy tính bảng để kê khai thuế. Tuy nhiên, hình thức này cũng chưa phổ biến nên số lượng doanh nghiệp sử dụng 1 đến 2 máy tính bảng để kê khai thuế chỉ chiếm 16 doanh nghiệp trong đó có 13 doanh nghiệp chỉ sử dụng 1 máy tính bảng phục vụ công tác kê khai.

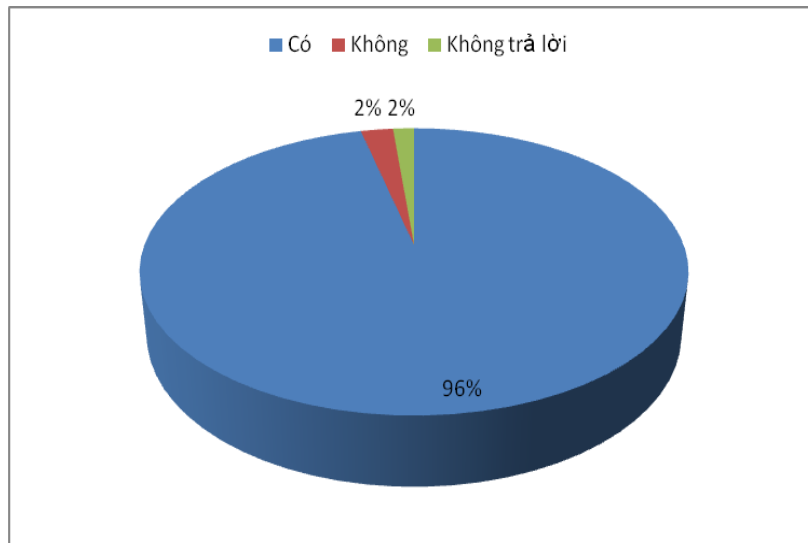
7. Cơ sở hạ tầng mạng Internet

Trong điều tra lần này đã đề cập rất cụ thể đến việc máy tính của các doanh nghiệp tham gia điều tra có kết nối mạng Internet hay không, tốc độ đường truyền ra sao cũng như hình thức kết nối nào được các doanh nghiệp ưa chuộng nhất hiện nay.

Theo kết quả điều tra thì 974 doanh nghiệp trả lời họ có kết nối mạng Internet, 23 doanh nghiệp trả lời không. (biểu đồ 7a)



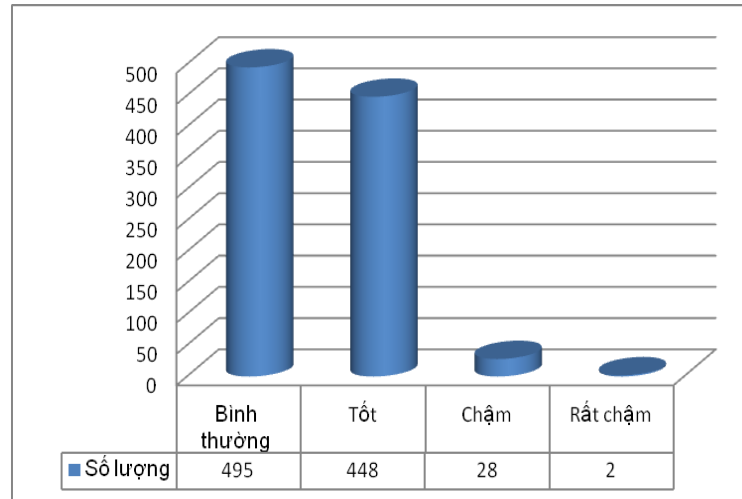
Biểu đồ 7a: Số lượng DN có kết nối mạng Internet



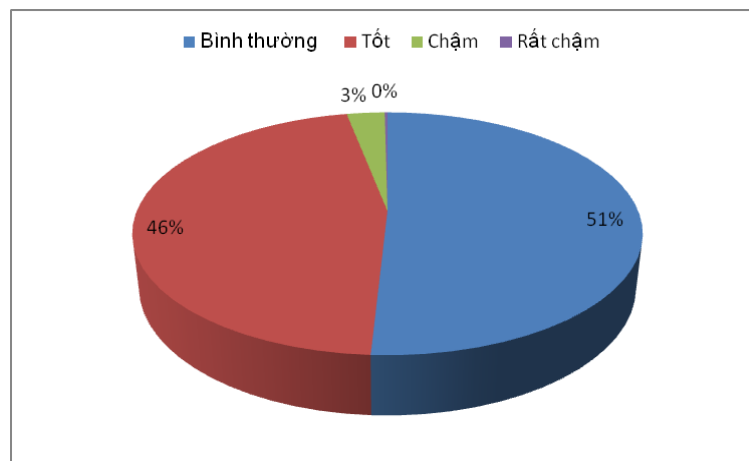
Biểu đồ 7b: Tỷ lệ DN có kết nối mạng Internet

Về tốc độ đường truyền có 495 doanh nghiệp cho rằng ở mức trung bình tương ứng với tỷ lệ 48,91%. Có 448 doanh nghiệp nhận xét rằng đường truyền tốt ứng với tỷ lệ 44,27%. Chỉ có 28 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ nhỏ 2,27% cho là đường truyền còn chậm. 2 trong số 1000 doanh nghiệp điều tra thì phản nản về tốc độ đường

truyền rất chậm. Biểu đồ 7c và 7d thể hiện rất rõ điều này.



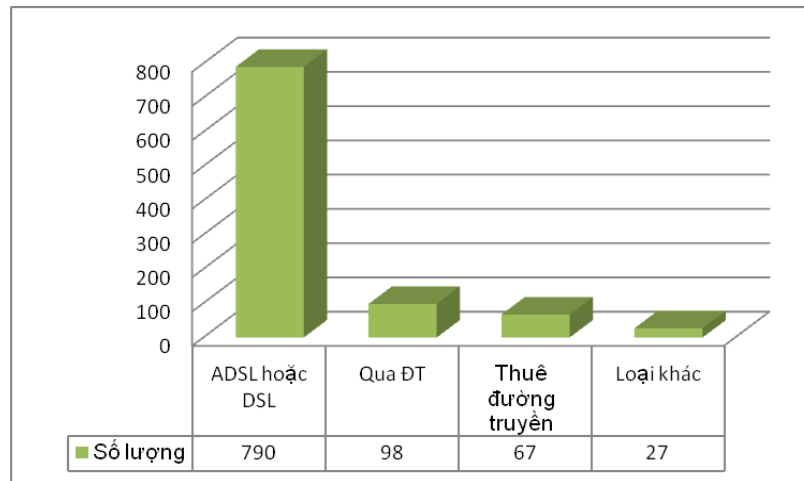
Biểu đồ 7c: Số lượng DN có tốc độ đường truyền được đánh giá theo các mức độ



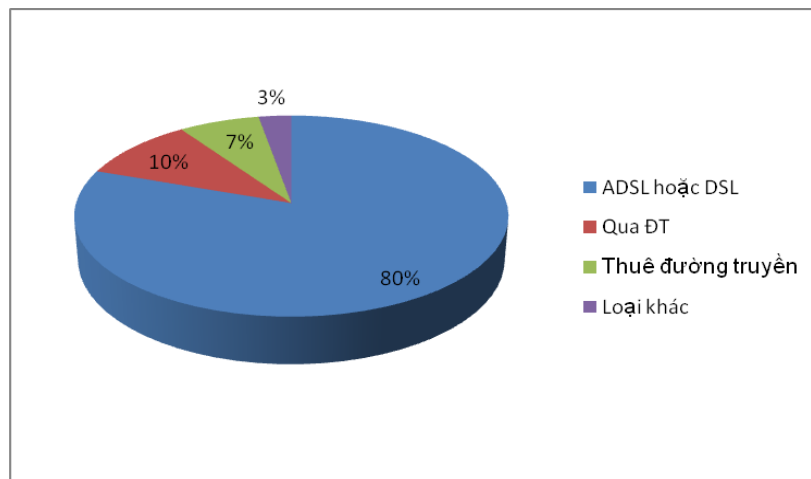
Biểu đồ 7d: Tỷ lệ DN tốc độ đường truyền được đánh giá theo các mức độ

Về hình thức kết nối Internet hiện nay các DN nói chung ở Việt Nam hay sử dụng 3 hình thức chính là ADSL hoặc DSL; qua đường điện thoại hoặc thuê đường truyền riêng. Theo kết quả điều tra thì 790 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 78,06% sử dụng hình thức ADSL hoặc DSL. Có thể nói đây là hình thức rất được ưa chuộng của các doanh nghiệp điều tra nói riêng và các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung. Các hình thức khác như qua đường điện thoại (1260, 1269, 1280) hay thuê đường truyền riêng cũng được doanh nghiệp sử dụng. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp không nhiều. Có 98 doanh nghiệp sử dụng hình thức qua đường điện thoại tương ứng với 9,68%. Có 67 doanh nghiệp thuê đường truyền riêng ứng với tỷ lệ

6,67%. Số doanh nghiệp sử dụng hình thức kết nối Internet khác thì chiếm số lượng rất nhỏ chỉ có 27 doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ 2,67%. Kết quả này thể hiện qua biểu đồ 7e, 7f



Biểu đồ 7e: Số lượng DN sử dụng các hình thức kết nối Internet khác nhau



Biểu đồ 7f: Tỷ lệ DN sử dụng các hình thức kết nối Internet khác nhau

Trên đây là những phân tích kết quả điều tra thông tin hiện trạng cơ sở hạ tầng doanh nghiệp phục vụ kê khai thuế qua mạng và có thể nói rằng qua kết quả điều tra đã cho ta thấy bức tranh khá rõ nét về thực trạng cơ sở hạ tầng của các doanh nghiệp hiện nay. Về cơ bản thì đó là một kết quả tương đối tốt với phần lớn các doanh nghiệp đã có sự đầu tư đúng mức về máy móc, nhân sự, về hạ tầng mạng để phục vụ cho công tác kê khai thuế qua mạng.

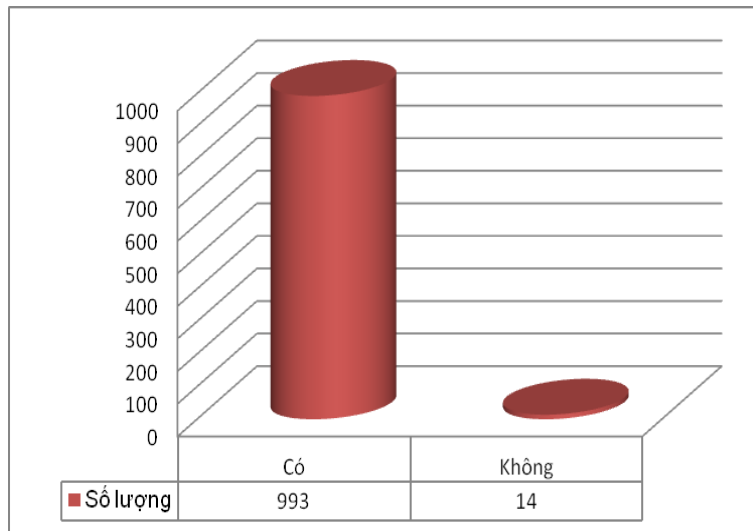
Trong điều tra lần này còn đề cập đến vấn đề rất lớn về thông tin sử dụng dịch vụ ngành thuế đã cung cấp cho người nộp thuế. Để hiểu rõ hơn về việc sử dụng các dịch vụ này chúng ta cần tìm hiểu kết quả điều tra từ Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế sử dụng mã vạch hai chiều (HTKK), trang thông tin điện tử ngành thuế, hệ thống kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng (iHTKK) và 1 số dịch vụ khác qua cuộc điều tra này.

PHẦN IV

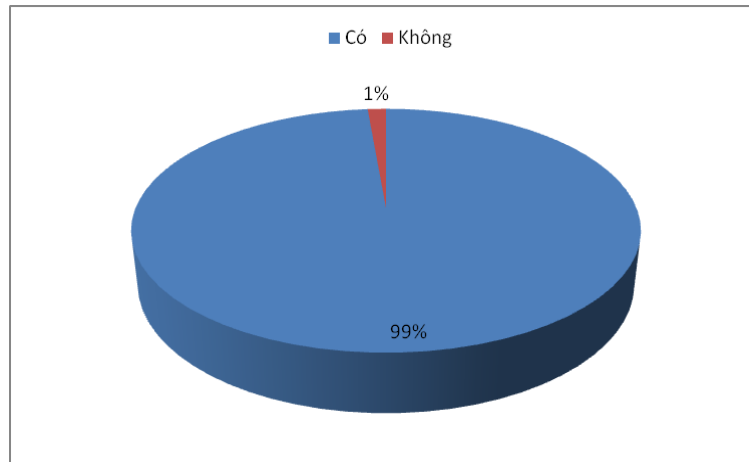
Phân tích kết quả thông tin sử dụng dịch vụ ngành thuế đã cung cấp cho người nộp thuế

1. Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế sử dụng công nghệ mã vạch hai chiều (HTKK)

Trong số các doanh nghiệp được điều tra thì có 993 doanh nghiệp trả lời rằng họ có biết đến phần mềm hỗ trợ kê khai thuế sử dụng công nghệ mã vạch hai chiều (HTKK) tương ứng với tỷ lệ 98,12%. Chỉ có 14 doanh nghiệp nói rằng họ không biết và chỉ tương ứng với tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể là 1,38%. Như vậy, có thể nói rằng phần mềm HTKK đã trở nên rất quen thuộc và phổ biến đối với các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện này (biểu đồ 8a và 8b)

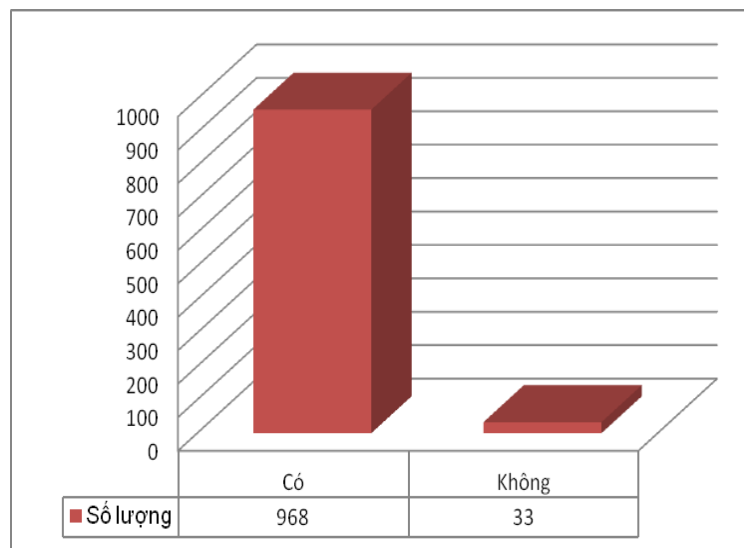


Biểu đồ 8a: Số lượng DN biết đến phần mềm HTKK của ngành thuế

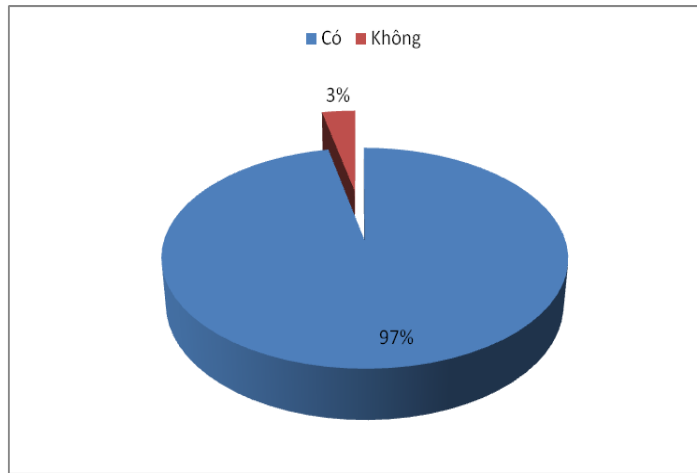


Biểu đồ 8b: Tỷ lệ doanh nghiệp biết đến phần mềm HTKK của ngành thuế

Bên cạnh kết quả rất khả quan về số doanh nghiệp biết đến phần mềm hỗ trợ kê khai thuế sử dụng công nghệ mã vạch hai chiều (HTKK) của ngành thuế thì kết quả số doanh nghiệp có sử dụng phần mềm HTKK trong việc kê khai thuế cũng rất cao. Có 968 doanh nghiệp được hỏi trả lời rằng họ có sử dụng phần mềm HTKK để kê khai thuế. Đây là một số lượng rất lớn trong tương quan tổng thể với số lượng mẫu điều tra và chiếm tỷ lệ 95,65%. Chỉ có 33 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 3,26% trả lời rằng họ không dùng phần mềm này. Kết quả điều tra thể hiện thông qua biểu đồ 8c và 8d dưới đây.

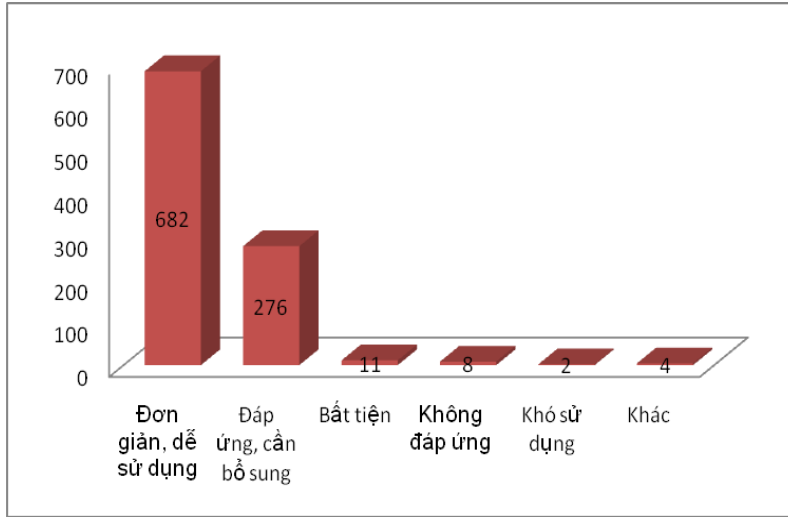


Biểu đồ 8c: Số lượng DN có sử dụng phần mềm HTKK của ngành thuế

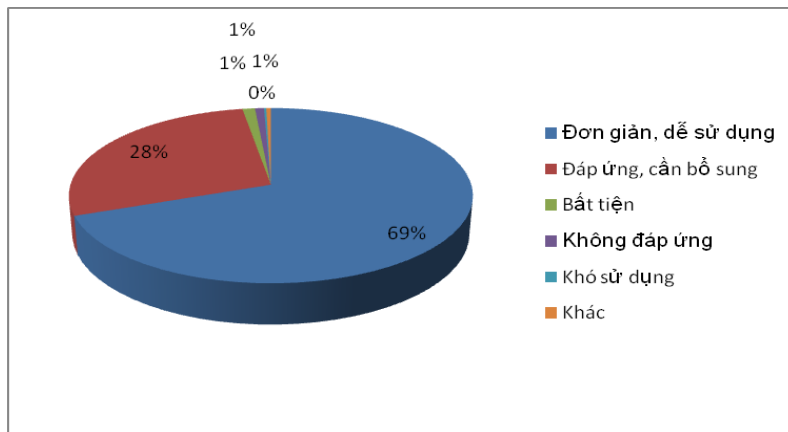


Biểu đồ 8d: Tỷ lệ DN sử dụng phần mềm HTKK của ngành thuế

Trong số các doanh nghiệp có sử dụng phần mềm HTKK của ngành thuế thì đại đa số các doanh nghiệp thấy rằng phần mềm đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Có 682 doanh nghiệp có ý kiến như vậy, có thể nói đây là số lượng lớn tương ứng với tỷ lệ 67,39%. Điều đó thể hiện ngành thuế đã tạo ra sản phẩm rất hữu ích, tiện lợi để doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng. Có 276 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 27,27% cho rằng phần mềm đáp ứng được yêu cầu tuy nhiên cần bổ sung chi tiết. Chỉ có 11 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 1,09% cảm thấy bất tiện vì doanh nghiệp đang sử dụng phần mềm kê khai khác tiện lợi hơn. Có 8 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ nhỏ 0,79% cho rằng phần mềm không đáp ứng yêu cầu trong trường hợp dữ liệu lớn. Chỉ có 2 doanh nghiệp cảm thấy phần mềm khó sử dụng và đây là tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể. (Biểu đồ 8e và 8f) thể hiện rất rõ điều này.



Biểu đồ 8e: Số lượng DN hài lòng với phần mềm HTKK của ngành thuế



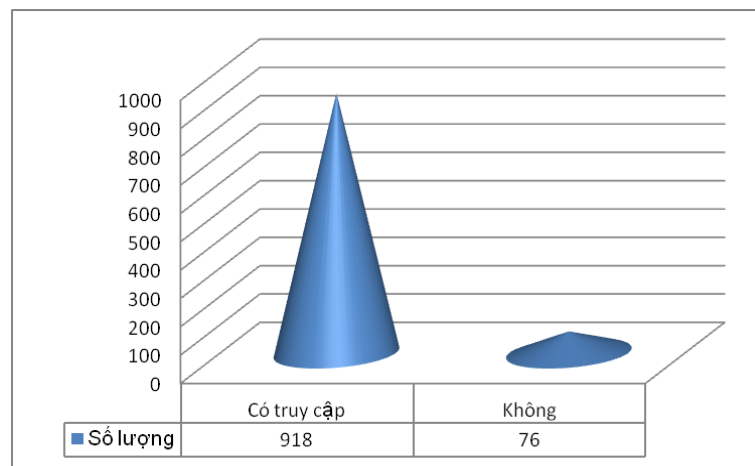
Biểu đồ 8f: Tỷ lệ DN hài lòng với phần mềm HTKK của ngành thuế

Liên quan đến phần mềm HTKK có được cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu thay đổi chính sách, nghiệp vụ hay không thì phần lớn các doanh nghiệp trả lời rằng có đáp ứng. Có 857 doanh nghiệp nhận thấy phần mềm đã đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên để phục vụ công tác, nghiệp vụ của họ. Đây là số lượng lớn tương ứng với tỷ lệ 84,68%. Chỉ có 112 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 11,07% cho rằng phần mềm HTKK chưa cập nhật kịp thời. Có rất ít doanh nghiệp cho rằng phần mềm không cập nhật, tỷ lệ không đáng kể.

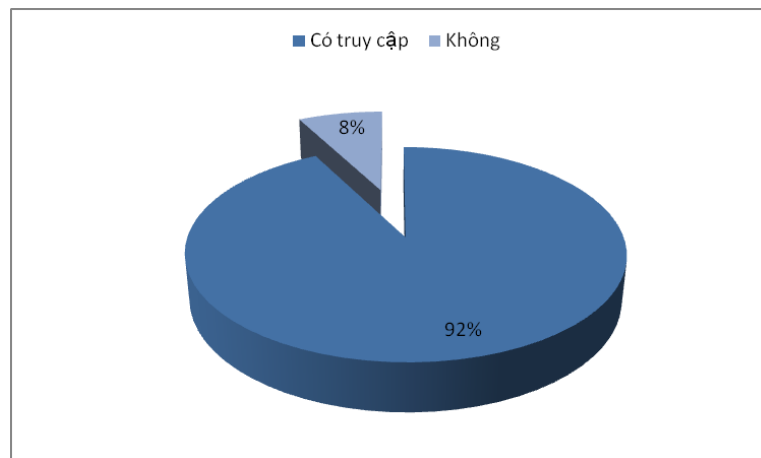
2. Trang thông tin điện tử ngành thuế (<http://www.gdt.gov.vn>)

Bên cạnh hình thức cung cấp phần mềm hỗ trợ kê khai thuế sử dụng công nghệ mã vạch hai chiều (HTKK) thì ngành thuế còn cung cấp cho các doanh nghiệp

trang thông tin điện tử ngành thuế (<http://www.gdt.gov.vn>) để phục vụ cho doanh nghiệp có nhu cầu tra cứu thông tin ngành thuế một cách thuận lợi, nhanh chóng và cập nhật nhất. Hầu hết các doanh nghiệp được điều tra đều trả lời rằng họ đã truy cập vào trang thông tin điện tử này nên số lượng lên tới 918 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 90,71% và chỉ có 76 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 7,51% chưa truy cập lần nào. Kết quả điều tra đã thể hiện trang thông tin điện tử ngành thuế đã trở nên rất phổ biến và được ứng dụng rộng rãi tại các doanh nghiệp thông qua biểu đồ 9a và 9b.



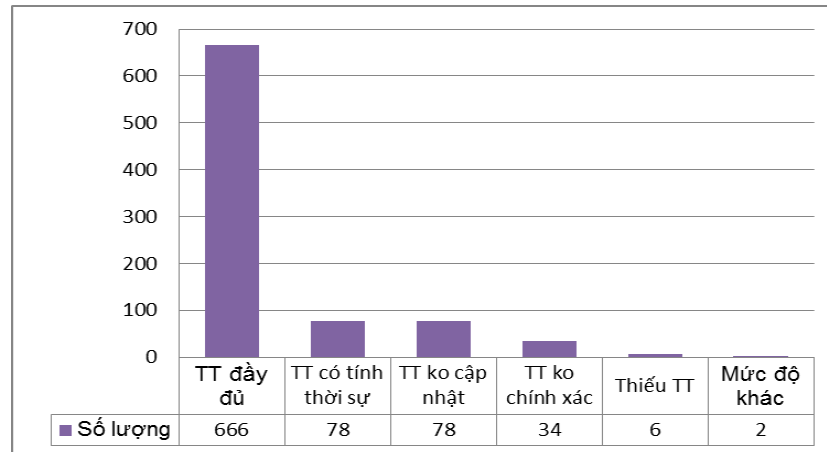
Biểu đồ 9a: Số lượng doanh nghiệp đã truy cập trang thông tin điện tử ngành thuế



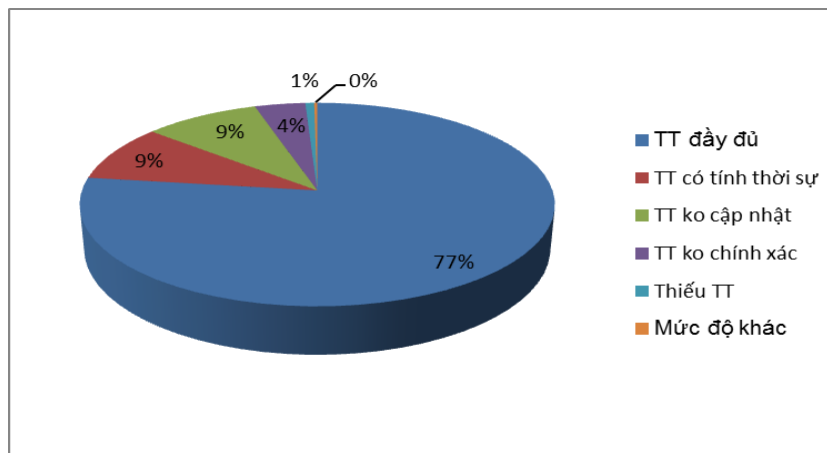
Biểu đồ 9b: Tỷ lệ doanh nghiệp truy cập trang thông tin điện tử ngành thuế

Hầu hết các doanh nghiệp đã truy cập trang thông tin điện tử ngành thuế đều cảm thấy hài lòng và họ thấy rằng trang thông tin điện tử đã đăng tải đầy đủ thông

tin chính xác. Có 666 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 65,81% doanh nghiệp nhận định như vậy. Chỉ có 78 doanh nghiệp nhận thấy thông tin có tính thời sự ứng với tỷ lệ 7,71%. Tuy nhiên cũng có 78 doanh nghiệp điều tra cho rằng thông tin không được cập nhật kịp thời tương ứng với tỷ lệ 7,71%. Có 34 doanh nghiệp cho rằng thông tin đầy đủ nhưng không chính xác. Số lượng này chỉ ứng với tỷ lệ nhỏ là 3,36%. Những nhận xét khác có số lượng và tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể. Có thể nói rằng trang thông tin điện tử của ngành thuế đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu của các doanh nghiệp về phương diện thông tin đăng tải trên website của ngành. Điều này được chứng minh thông qua biểu đồ 9c và 9d.



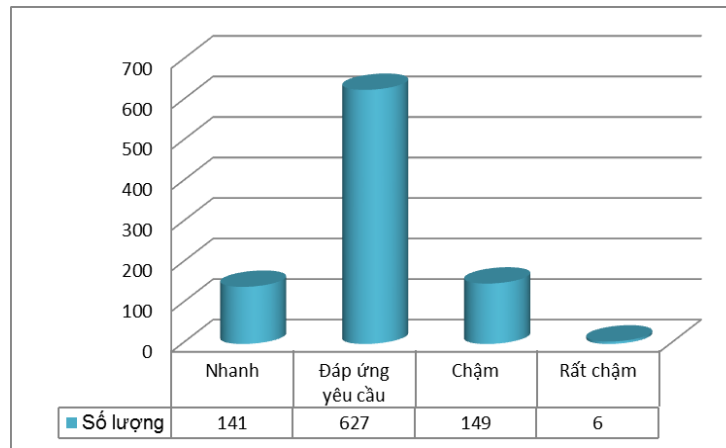
Biểu đồ 9c: Số lượng DN hài lòng với thông tin trên trang điện tử ngành thuế



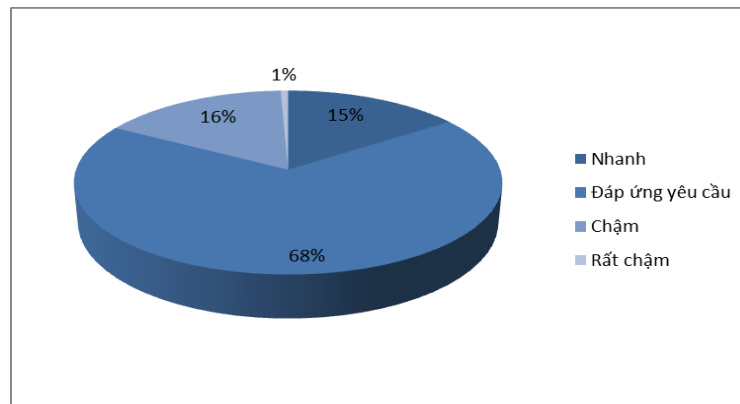
Biểu đồ 9d: Tỷ lệ DN hài lòng với thông tin trên trang điện tử ngành thuế

Liên quan đến trang thông tin điện tử của ngành thuế có một vấn đề rất được các doanh nghiệp quan tâm. Đó là tốc độ truy cập vào trang thông tin điện tử của

ngành thuế. Theo kết quả điều tra này thì có tới 627 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 61,96% cho rằng tốc độ đường truyền đáp ứng được yêu cầu của họ khi truy cập. Có 141 doanh nghiệp trả lời rằng tốc độ đường truyền nhanh ứng với tỷ lệ 13,93%. Bên cạnh đó cũng có 149 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 14,72% phàn nàn rằng tốc độ chậm tương ứng với tỷ lệ 14,72%. Chỉ có 6 doanh nghiệp cho rằng tốc độ đường truyền rất chậm tương ứng với tỷ lệ rất nhỏ 0,59%. Có thể nói, hầu hết các doanh nghiệp đều cảm thấy hài lòng với tốc độ truy cập vào trang thông tin điện tử của ngành thuế. Điều này càng khẳng định thêm kết luận rằng trang thông tin điện tử ngành thuế đã cung cấp đầy đủ thông tin một cách kịp thời, chính xác, tốc độ truy cập tương đối tốt và đó là cơ sở để các doanh nghiệp có thể truy cập vào trang thông tin điện tử ngày càng nhiều hơn phục vụ tốt cho mục đích kê khai thuế qua mạng của các doanh nghiệp (biểu đồ 9e và 9f)



Biểu đồ 9e: Số lượng DN hài lòng với tốc độ truy cập trang thông tin điện tử ngành thuế.



Biểu đồ 9f: Tỷ lệ DN hài lòng với tốc độ truy cập trang thông tin điện tử ngành thuế.

3. Hệ thống kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng (iHTKK)

Có thể nói phần mềm iHTKK là một trong những phần mềm của ngành thuế mà doanh nghiệp đã rất quen thuộc. Điều này thể hiện rất rõ thông qua kết quả điều tra. Có 815 doanh nghiệp trong số các doanh nghiệp điều tra biết đến phần mềm này tương ứng với tỷ lệ 80,53%. Có 182 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 17,98% chưa biết đến phần mềm này.

Về việc sử dụng phần mềm này để kê khai thuế thì phần lớn các doanh nghiệp cũng đã ứng dụng trong thời gian qua. Cụ thể là có 675 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 66,70% có sử dụng và chỉ có 318 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 31,42% chưa sử dụng phần mềm này.

Kết quả này thể hiện qua bảng thống kê sau (bảng 10a)

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	DN có biết đến phần mềm iHTKK	815	80,53
2	DN ko biết đến phần mềm iHTKK	182	17,98
3	DN có sử dụng phần mềm iHTKK	675	66,70
4	DN ko biết đến phần mềm iHTKK	318	31,42

Bảng 10a: Số lượng và tỷ lệ DN biết và sử dụng phần mềm iHTKK của ngành thuế

Cũng như các phần mềm khác ngành thuế đã cung cấp cho doanh nghiệp, phần mềm iHTKK được xem là đã mang lại những lợi ích nhất định cho người dùng. Lợi ích mà rất nhiều doanh nghiệp nhận thấy là tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại, nhân lúc khi nộp tờ khai. Có 377 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 37,25% nhận định như vậy. Bên cạnh đó, có 338 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 33,40% doanh nghiệp cho rằng phần mềm iHTKK giúp họ kê khai nhanh, thuận tiện và dễ sử dụng. Có 235 doanh nghiệp thì thấy rằng phần mềm iHKTĐ đáp ứng được yêu cầu kê khai và nộp tờ khai tương ứng với tỷ lệ 23,22%. Có 115 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 11,36% cho rằng phần mềm iHTKK hỗ trợ đầy đủ thông tin kê khai. Một số những tính năng khác mà phần mềm iHTKK mang lại cũng được doanh nghiệp rất hưởng ứng như ứng dụng luôn được cập nhật kịp thời đáp ứng những thay đổi của chính sách thuế. Có 63 doanh nghiệp có nhận định như vậy tương ứng với tỷ lệ 6,23% .

Có 39 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 3,85% thì cho rằng ứng dụng phát triển trên nền tảng web-based nên người sử dụng không phải nâng cấp ứng dụng.

Thông qua kết quả điều tra về lợi ích của việc kê khai và nộp tờ khai thuế qua hệ thống iHTKK đem lại cho doanh nghiệp chúng ta có thể nhận thấy hệ thống đã đáp ứng được những nhu cầu cần thiết để giúp doanh nghiệp có thể kê khai thuế qua mạng một cách nhanh chóng, thuận tiện và chính xác và các doanh nghiệp cũng rất hài lòng với lợi ích của việc kê khai và nộp tờ khai thuế qua hệ thống iHTKK đem lại cho doanh nghiệp. Điều này thể hiện rất rõ qua bảng 10b dưới đây:

STT	Lợi ích phần mềm iHKT	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân sự kê khai thuế	377	37,25
2	Kê khai nhanh, thuận tiện và dễ sử dụng	338	33,40
3	Đáp ứng yêu cầu kê khai và nộp tờ khai	235	23,22
4	Hỗ trợ đầy đủ thông tin kê khai	115	11,36
5	Ứng dụng luôn được cập nhật kịp thời	63	6,23
6	Ứng dụng phát triển trên nền tảng web-based	39	3,85
7	Khác	3	0,3

Bảng 10b: Lợi ích của việc kê khai và nộp tờ khai thuế qua hệ thống iHTKK đem lại cho DN

Bên cạnh những lợi ích mà phần mềm iHTKK mang lại thì cũng vẫn còn tồn tại một số hạn chế mà một số doanh nghiệp gặp phải. Trong đó vấn đề vẫn còn lỗi phát sinh, gửi tờ khai không thành công là hạn chế lớn nhất với số lượng 378 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 37,35%. Một số khác với số lượng 184 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 18,18% thì cho rằng hạ tầng mạng truyền thông chưa đáp ứng được yêu cầu gửi và nhận thông tin. Có 106 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 10,47% cho rằng tồn tại các phiên bản khác nhau gây hiểu nhầm. Có 56 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 5,53% cho rằng phần mềm iHTKK chỉ sử dụng cho phạm vi nhỏ các doanh nghiệp đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng. Có 41 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 4,05% cho rằng các loại tờ khai hỗ trợ kê khai thuế qua mạng chưa đủ để đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp kê khai. Chỉ có 10 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ rất nhỏ là 0,99% thì cho rằng phần mềm iHTKK không cập nhật đồng bộ với các quy định của Nhà nước và

Chính phủ. Bên cạnh đó cũng có 9 doanh nghiệp phàn nàn phần mềm iHTKK khó sử dụng.

Như vậy, theo kết quả điều tra này thì mặc dù vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định nhưng nhìn chung đó là những hạn chế đơn giản, dễ khắc phục và cũng phần lớn là do cơ sở hạ tầng và nhân lực của các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa đủ khả năng thích nghi với phần mềm iHTKK mang lại. Trong thời gian tới khi mà doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích của phần mềm iHTKK với việc kê khai và nộp thuế và trên cơ sở doanh nghiệp có sự đầu tư hơn nữa về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và nhân lực phục vụ kê khai thuế qua mạng thì những hạn chế của phần mềm iHTKK sẽ được giải quyết triệt để giúp cho các doanh nghiệp tự tin tham gia vào quá trình kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng. Bảng 10c sẽ thể hiện rõ những hạn chế của phần mềm iHTKK đối với 1 số DN hiện nay.

STT	Hạn chế phần mềm iHTKK	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Vẫn còn lỗi phát sinh, gửi tờ khai không thành công	378	37,35
2	Hạ tầng mạng chưa đáp ứng được yêu cầu	184	18,18
3	Tồn tại các phiên bản khác nhau gây hiểu nhầm	106	10,47
4	Chỉ sử dụng cho các DN đủ đk cơ sở hạ tầng	56	5,53
5	Các loại tờ khai chưa đáp ứng đủ yêu cầu của DN	41	4,05
6	Phần mềm không cập nhật đồng bộ với qđ NN, CP	10	0,99
7	Khó sử dụng	9	0,89
8	Khác	10	0,99

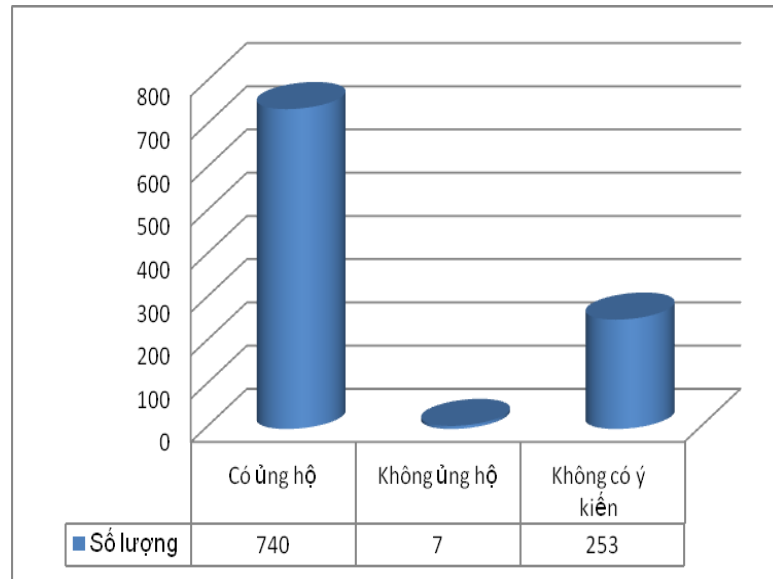
Bảng 10c: Hạn chế của iHTKK đối với việc kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng của DN

Như vậy, với các dịch vụ ngành thuế đã cung cấp cho người nộp thuế gồm phần mềm hỗ trợ kê khai thuế sử dụng công nghệ mã vạch hai chiều (HTKK) hay trang thông tin điện tử ngành thuế hay hệ thống kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng (iHTKK) đã được hầu hết các doanh nghiệp biết đến và phần lớn trong số các doanh nghiệp được điều tra nói riêng và các doanh nghiệp của Việt Nam nói chung đã ứng dụng để phục vụ cho việc kê khai và nộp thuế qua mạng. Lợi ích của các dịch vụ này

mang lại cho các doanh nghiệp là rất lớn. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định đối với từng loại dịch vụ được cung cấp nhưng nhìn chung các doanh nghiệp vẫn tỏ ra khá hài lòng với các dịch vụ được cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khi kê khai và nộp thuế qua mạng. Điều này thể hiện rất rõ thông qua kết quả điều tra này. Khi được hỏi “doanh nghiệp có ủng hộ việc triển khai hệ thống kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng hay không” thì có tới 740 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 73,12% cho rằng họ có ủng hộ, chỉ có 7 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ rất nhỏ 0,69% thì không ủng hộ. Số còn lại không có câu trả lời cho vấn đề này. (bảng 10d và biểu đồ 10e)

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	DN có ủng hộ kê khai thuế qua mạng	740	73,12
2	DN ko ủng hộ kê khai thuế qua mạng	7	0,69
3	Không có ý kiến	253	26,18

Bảng 10d: Số lượng và tỷ lệ DN ủng hộ việc kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng



Biểu đồ 10e: Số lượng DN ủng hộ kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng

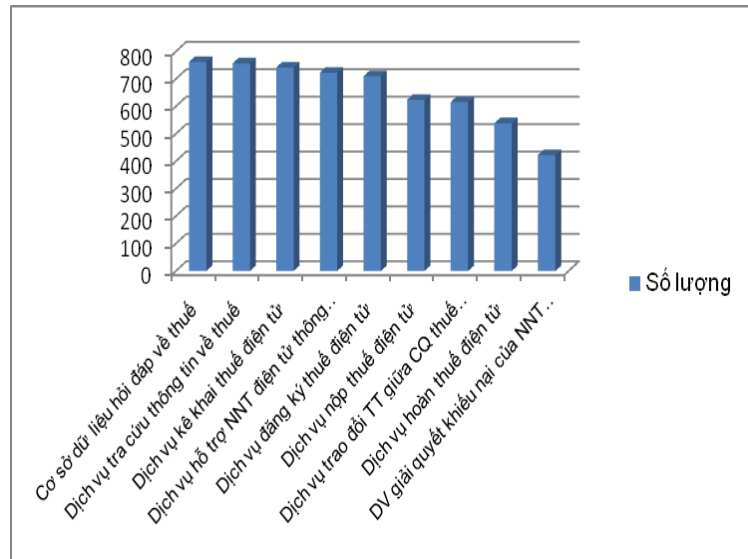
4. Các dịch vụ doanh nghiệp mong muốn sẽ được triển khai tại Việt Nam

Hiện nay, dịch vụ thuế điện tử đã được triển khai ở nhiều nước trên thế giới và tại Việt Nam thông qua kết quả cuộc điều tra lần này các doanh nghiệp cũng có

mong muốn 1 số dịch vụ về thuế được triển khai. Có 762 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 75,3% trả lời họ mong muốn triển khai cơ sở dữ liệu hỏi đáp về thuế. Có 757 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 74,8% cho rằng ngành thuế nên có dịch vụ tra cứu thông tin loại thuế phải nộp, số thuế phải nộp, đã nộp của NNT thông qua Internet. Có 742 doanh nghiệp cho rằng nên có dịch vụ kê khai thuế điện tử tương ứng với tỷ lệ 73,32%. Một dịch vụ cũng được rất nhiều doanh nghiệp quan tâm đó là dịch vụ hỗ trợ NNT điện tử thông qua Internet, điện thoại, email...dịch vụ này có tới 723 doanh nghiệp có nhu cầu tương ứng với tỷ lệ khá lớn 71,44%. Dịch vụ đăng ký thuế điện tử cũng có 710 doanh nghiệp cho rằng nên triển khai tương đương với tỷ lệ 70,16%. Dịch vụ nộp thuế điện tử có 624 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 61,66% mong muốn được triển khai. Các dịch vụ khác cũng rất được doanh nghiệp mong muốn triển khai như dịch vụ thông báo và trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và NNT bằng hình thức điện tử, dịch vụ này chiếm số lượng 616 doanh nghiệp tương đương với tỷ lệ 60,87%. Dịch vụ hoàn thuế điện tử có 539 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 53,26% cho rằng nên triển khai. Có 423 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 41,8% mong muốn dịch vụ giải quyết khiếu nại tố cáo của NNT bằng hình thức điện tử. Bảng 11a và biểu đồ 11b sẽ thể hiện rất rõ kết quả điều tra này của doanh nghiệp.

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cơ sở dữ liệu hỏi đáp về thuế	762	75,3
2	Dịch vụ tra cứu thông tin về thuế	757	74,8
3	Dịch vụ kê khai thuế điện tử	742	73,32
4	Dịch vụ hỗ trợ NNT điện tử thông qua Internet	723	71,44
5	Dịch vụ đăng ký thuế điện tử	710	70,16
6	Dịch vụ nộp thuế điện tử	624	61,66
7	Dịch vụ trao đổi TT giữa CQ thuế và NNT	616	60,87
8	Dịch vụ hoàn thuế điện tử	539	53,26
9	DV giải quyết khiếu nại của NNT bằng HT đtử	423	41,8

Bảng 11a: Số lượng và tỷ lệ DN mong muốn các dịch vụ công được tổ chức tại Việt Nam



Biểu đồ 11b: Số lượng DN mong muốn các dịch vụ công được tổ chức tại Việt Nam

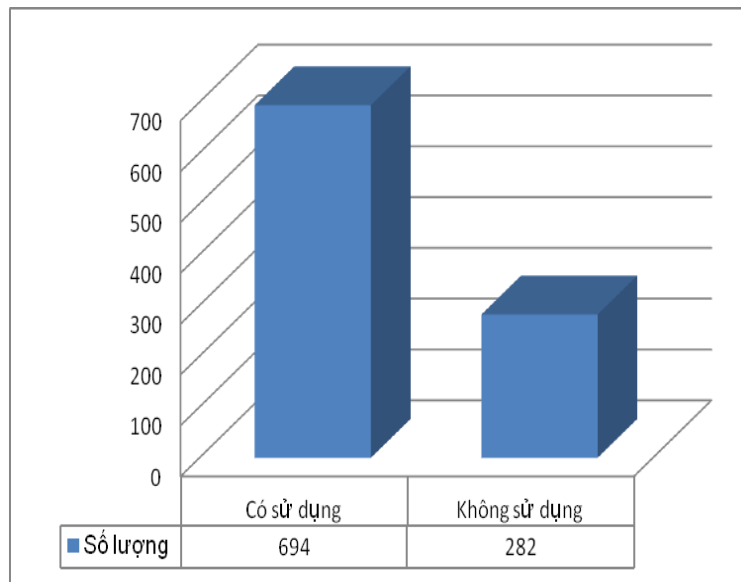
Trên đây là những những kết quả điều tra thông tin hiện trạng cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp nhằm phục vụ kê khai thuế qua mạng và những thông tin doanh nghiệp sử dụng những dịch vụ ngành thuế đã cung cấp cho người nộp thuế. Liên quan đến kê khai thuế qua mạng còn một vấn đề rất đáng được quan tâm đó là sự đánh giá của các doanh nghiệp về các dịch vụ liên quan đến thuế điện tử. Kết quả điều tra lần này đã thể hiện rõ quan điểm của các doanh nghiệp đối với các dịch vụ này gồm: dịch vụ chứng thực chữ ký số, dịch vụ giá trị gia tăng về thuế (TVAN), dịch vụ nộp thuế qua ngân hàng, hóa đơn tự in và các dịch vụ khác.

PHẦN V

Phân tích, đánh giá các dịch vụ liên quan đến thuế điện tử

1. Dịch vụ chứng thực chữ ký số

Trong số các dịch vụ liên quan đến thuế điện tử thì dịch vụ chữ ký số được doanh nghiệp ưa chuộng nhất. Có 694 doanh nghiệp sử dụng dịch vụ này tương ứng với tỷ lệ 68,58%. Có 282 doanh nghiệp không sử dụng dịch vụ này.



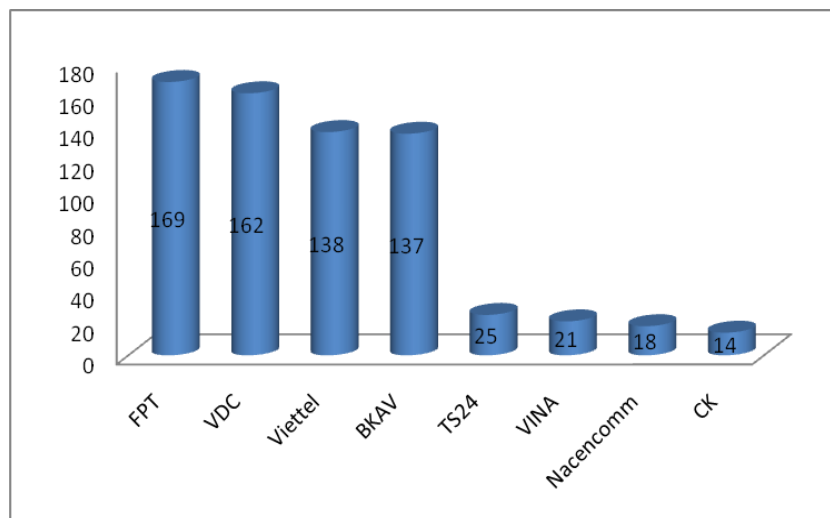
Biểu đồ 12a: Số lượng DN có sử dụng dịch vụ chữ ký số phục vụ kê khai thuế qua mạng

Hiện nay có rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ Chữ ký số phục vụ kê khai thuế qua mạng như VDC, Viettel, FPT, Safe CA, Nacencomm, CK, BKAV, VINA... và theo như kết quả điều tra thì các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ chữ ký số nhiều nhất của công ty TNHH hệ thống thông tin FPT với số lượng 169 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 16,7%. Có 162 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 16,01% dùng dịch vụ của công ty điện toán và truyền số liệu VDC. Có 138 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 13,64% dùng dịch vụ của Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel. Có 137 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 13,54% dùng dịch vụ chữ ký số của công ty an ninh mạng BKAV. Đó là 4 công ty được doanh nghiệp sử dụng dịch vụ chữ ký số phổ biến hơn cả. Ngoài ra 1 số doanh nghiệp sử dụng dịch vụ này của các nhà cung cấp khác nhưng với số lượng ít hơn. Chẳng hạn, có 25 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 2,47% sử dụng dịch vụ của công ty TS24- Safe CA, chỉ có 21 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 2,08% sử dụng của nhà

cung cấp là công ty cổ phần chữ ký số Vina (vina CA). Có 18 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 1,78% do nhà cung cấp là Công ty cổ phần công nghệ thẻ Nacencomm. Chỉ có 14 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 1,38% dùng dịch vụ chữ ký số của Công ty công nghệ và truyền thông CK. Kết quả này thể hiện rất rõ qua bảng 12b và biểu đồ 12c dưới đây.

STT	Nhà cung cấp	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT	169	16,7
2	Công ty điện toán và truyền số liệu VDC	162	16,01
3	Tập đoàn viễn thông quân đội - Viettel	138	13,64
4	Công ty an ninh mạng BKAV	137	13,54
5	Công ty TS 24	25	2,47
6	Công ty cổ phần chữ ký số VINA (VINA CA)	21	2,08
7	Công ty CP công nghệ thẻ Nacencomm	18	1,78
8	Công ty công nghệ và truyền thông CK	14	1,38

Bảng 12b: Số lượng và tỷ lệ DN sử dụng dịch vụ chữ ký số của các nhà cung cấp

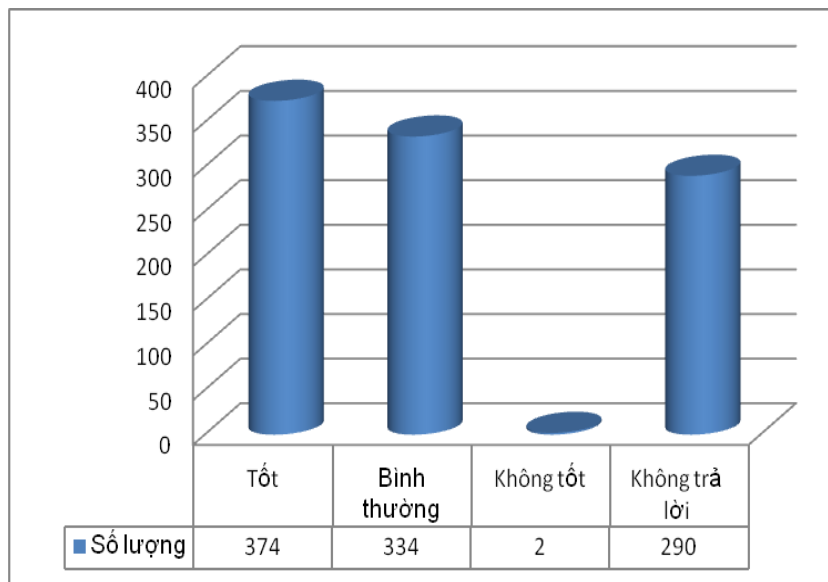


Biểu đồ 12c: Số lượng DN sử dụng dịch vụ chữ ký số của các nhà cung cấp

Có thể nói hiện tại có rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số để doanh nghiệp

có thể lựa chọn nhằm phục vụ công tác kê khai thuế qua mạng. Các doanh nghiệp lựa chọn nhà cung cấp khác nhau có thể vì 1 số lý do mà họ cảm thấy phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp mình hơn. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể về chất lượng dịch vụ chữ ký số hiện nay các doanh nghiệp đã sử dụng đều cho rằng phần lớn chất lượng đáp ứng được yêu cầu của họ. Kết quả điều tra cho thấy rất rõ điều này.

Có 374 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 36,96% cho rằng chất lượng tốt và 334 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 33% cho rằng chất lượng bình thường và chỉ có 2 doanh nghiệp cho rằng chất lượng không tốt . Kết quả này thể hiện qua biểu đồ 12d.



Biểu đồ 12d: Số lượng doanh nghiệp hài lòng với chất lượng của dịch vụ chữ ký số

2. Dịch vụ Giá trị gia tăng về thuế (TVAN)

Dịch vụ giá trị gia tăng về thuế (TVAN) được xem là một trong những dịch vụ chủ yếu liên quan đến thuế điện tử. Hiện nay, các doanh nghiệp được điều tra nói riêng và các doanh nghiệp nói chung tại Việt Nam đang sử dụng dịch vụ TVAN của nhiều nhà cung cấp khác nhau. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra thì chưa có nhà cung cấp nào thực sự chiếm lĩnh được thị phần lớn trong lĩnh vực này. Số lượng các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ TVAN của từng nhà cung cấp đều rất hạn chế. Có 57 doanh nghiệp sử dụng dịch vụ TVAN của Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT ứng với tỷ lệ 5,63%. Có 48 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 4,74% sử dụng dịch vụ của Tập đoàn

viễn thông quân đội – Viettel. Có 41 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 4,05% sử dụng dịch vụ của Công ty an ninh mạng BKAV. Một số nhà cung cấp khác còn có số lượng doanh nghiệp sử dụng ít hơn như: có 24 doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của công ty cổ phần TS 24 ứng với tỷ lệ 1,28%. Có 8 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 0,79% sử dụng dịch vụ của Công ty TNHH phát triển công nghệ Thái Sơn. Chỉ có 6 công ty sử dụng dịch vụ của Công ty cổ phần công nghệ thông tin Đông Nam Á (SEATECH) ứng với tỷ lệ rất nhỏ 0,59%. Có 5 công ty ứng với tỷ lệ 0,49% sử dụng dịch vụ của Công ty cổ phần Misa và chỉ có 4 công ty sử dụng dịch vụ của Công ty điện toán và truyền số liệu VDC ứng với tỷ lệ rất nhỏ, không đáng kể là 0,4%. Bảng 13 thể hiện chi tiết kết quả điều tra này.

STT	Nhà cung cấp dịch vụ TVAN	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	57	5,63
2	Tập đoàn viễn thông quân đội - Viettel	48	4,74
3	Công ty an ninh mạng BKAV	41	4,05
4	Công ty CP TS 24	13	1,28
5	Công ty TNHH phát triển công nghệ Thái Sơn	8	0,79
6	Công ty CP CNTT Đông Nam Á (SEATECH)	6	0,59
7	Công ty CP Misa	5	0,49
8	Công ty điện toán và truyền số liệu VDC	4	0,4

Bảng 13: Số lượng DN và tỷ lệ DN dùng dịch vụ TVAN của các nhà cung cấp

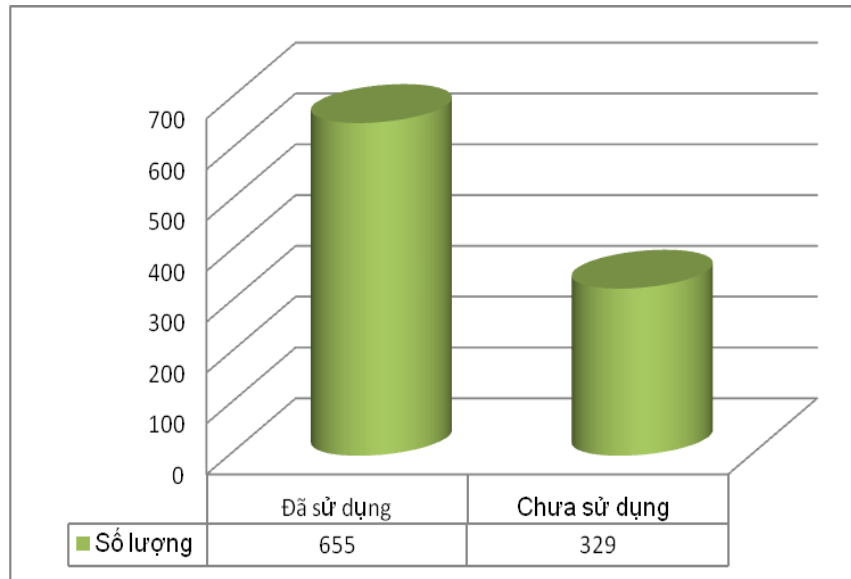
Về tổng thể chất lượng của dịch vụ TVAN thì theo kết quả điều tra có 91 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 8,99% cho rằng chất lượng bình thường, có 84 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 8,3% cho rằng chất lượng tốt và có 7 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 0,69% cho rằng chất lượng kém. Số còn lại không có câu trả lời cụ thể về vấn đề này.

Về giá cả của dịch vụ TVAN thì các doanh nghiệp cảm thấy ở mức bình thường với số lượng 121 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 11,96%. Có 58 doanh nghiệp tương đương với tỷ lệ 5,73% cho rằng giá cao và có 3 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 0,3% cho rằng giá hiện nay là thấp. Số doanh nghiệp còn lại không có ý kiến cụ thể về vấn đề

giá cả dịch vụ này.

3. Dịch vụ nộp thuế qua ngân hàng

Hiện nay dịch vụ nộp thuế qua ngân hàng đã trở nên rất quen thuộc với các doanh nghiệp. Kết quả điều tra cho thấy có khoảng 2/3 số doanh nghiệp được điều tra trả lời rằng họ đã sử dụng dịch vụ nộp thuế qua ngân hàng. Số lượng doanh nghiệp này lên tới 655 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 67,42% đã nộp thuế qua ngân hàng và chỉ có 329 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 32,51% doanh nghiệp chưa sử dụng dịch vụ này. Biểu đồ 14a thể hiện rõ hơn kết quả điều tra này.

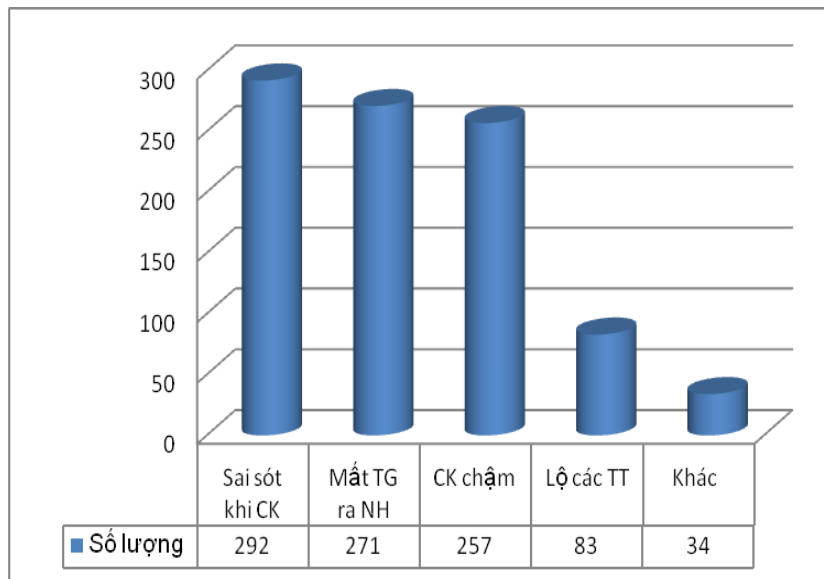


Biểu đồ 14a: Số lượng doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ nộp thuế qua ngân hàng

Các doanh nghiệp được điều tra khi được hỏi về lý do mà các doanh nghiệp e ngại khi thực hiện nộp thuế qua ngân hàng thì gần 1/3 số doanh nghiệp ứng với số lượng 292 doanh nghiệp và chiếm tỷ lệ 28,85% cho rằng đó là sai sót trong quá trình thực hiện chuyển khoản. Có 271 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 26,78% e ngại vì mất thời gian kê khai và thông tin ra ngân hàng. Có 257 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 25,4% cho rằng quá trình thực hiện chuyển khoản chậm, không đúng ngày nộp thuế. Lý do lộ các thông tin về thuế, tài chính của công ty chỉ có 83 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 8,2% lo ngại. Ngoài ra còn 1 số lý do khác nhưng chiếm số lượng nhỏ, không đáng kể. Bảng 14b và biểu đồ 14c thể hiện kết quả này.

STT	Lý do DN e ngại khi thực hiện nộp thuế qua ngân hàng	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Sai sót trong quá trình thực hiện chuyển khoản	292	28,85
2	Mất thời gian kê khai và thông tin ra ngân hàng	271	26,78
3	Quá trình thực hiện CK chậm, ko đúng ngày nộp thuế	257	25,4
4	Lộ các thông tin về thuế, tài chính của công ty	83	8,2
5	Khác	34	3,36

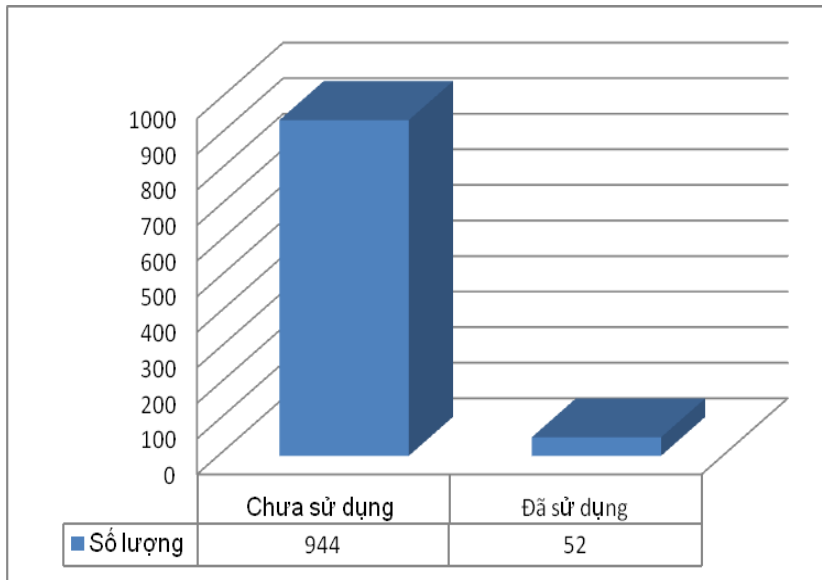
Bảng 14b: Số lượng và tỷ lệ DN e ngại với các lý do khi thực hiện nộp thuế qua mạng



Bảng 14c: Số lượng DN e ngại với các lý do khi thực hiện nộp thuế qua mạng

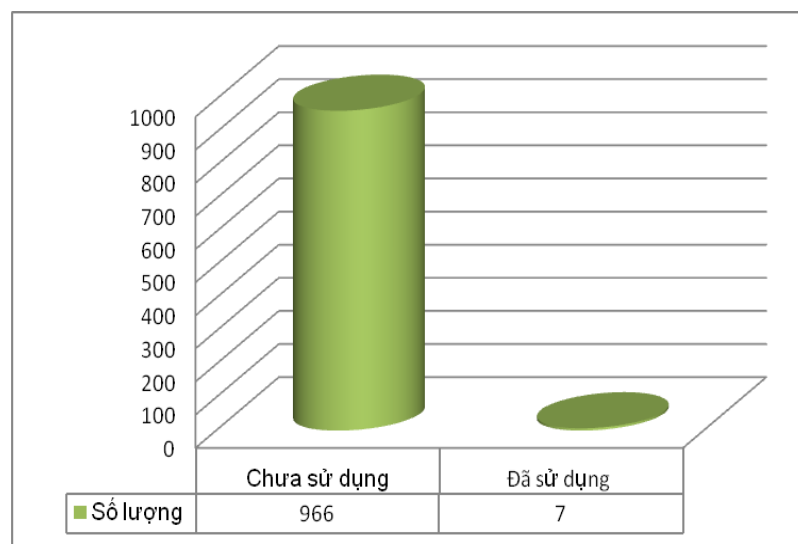
4. Hóa đơn tự in và các dịch vụ khác

Bên cạnh các dịch vụ chính được nêu trên còn có phần mềm hóa đơn tự in cũng là dịch vụ liên quan đến thuế điện tử. Tuy nhiên hiện nay phần mềm này vẫn chưa được ứng dụng rộng rãi. Theo kết quả điều tra này có tuyệt đại đa số trả lời họ chưa biết đến phần mềm này. Cụ thể là có 944 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 93,28% chưa biết đến phần mềm hóa đơn tự in và chỉ có 52 doanh nghiệp đã sử dụng phần mềm này tương đương với tỷ lệ rất nhỏ là 5,14%.



Bảng 15a: Số lượng DN chưa sử dụng phần mềm hóa đơn tự in

Bên cạnh phần mềm hóa đơn tự in còn có một dịch vụ khác đó là hóa đơn điện tử. Tuy nhiên, dịch vụ này cũng chưa phát triển trong giai đoạn hiện nay. Theo kết quả điều tra có tới 966 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 98,42% cho rằng họ chưa sử dụng dịch vụ này. Chỉ có 7 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 0,69% đã sử dụng hóa đơn điện tử. Về vấn đề nhu cầu truy vấn các dịch vụ thuế qua tin nhắn trên một nửa số doanh nghiệp trả lời họ không có nhu cầu tương đương với số lượng 557 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 55,04%, chỉ có 259 doanh nghiệp trả lời có ứng với tỷ lệ 25,59%.



Bảng 15b: Số lượng DN chưa sử dụng hóa đơn điện tử

PHẦN VI

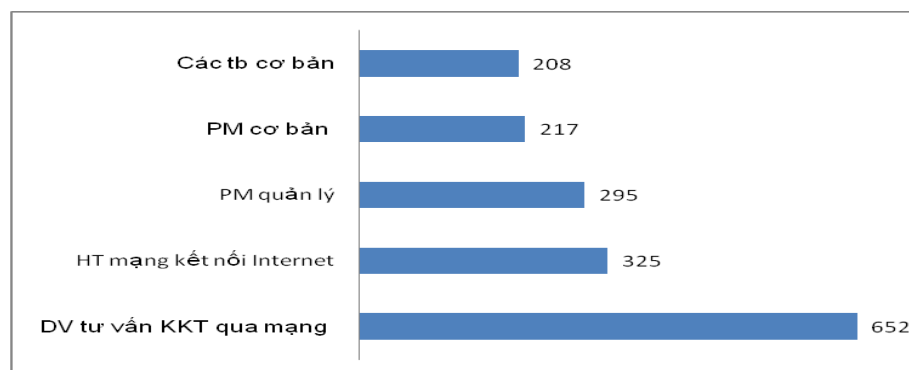
Đề xuất, hỗ trợ của doanh nghiệp về KKT qua mạng

1. Nhu cầu của doanh nghiệp cần hỗ trợ để triển khai thuế qua mạng

Trong tiến trình triển khai các dịch vụ thuế điện tử bên cạnh những nỗ lực của doanh nghiệp thì cũng cần thiết phải có sự hỗ trợ nhất định từ phía ngành thuế, các nhà cung cấp dịch vụ. Theo kết quả điều tra có 652 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 64,43% mong muốn được hỗ trợ dịch vụ tư vấn về kê khai thuế qua mạng, có 325 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 32,11% muốn được hỗ trợ về hệ thống mạng kết nối Internet. Có 295 doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ 29,15% muốn được hỗ trợ về các phần mềm quản lý. Bên cạnh đó cũng có 217 doanh nghiệp tương ứng với 21,44% mong muốn được hỗ trợ các phần mềm cơ bản như ứng dụng văn phòng...và có 208 doanh nghiệp ứng với tỷ lệ 20,55% có nhu cầu được hỗ trợ về các thiết bị cơ bản như máy tính.

STT	Nhu cầu DN cần hỗ trợ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Dịch vụ tư vấn về kê khai thuế qua mạng	652	64,43
2	Hệ thống mạng kết nối Internet	325	32,11
3	Các phần mềm quản lý	295	29,15
4	Các phần mềm cơ bản	217	21,44
5	Các thiết bị cơ bản	208	20,55

Bảng 16a: Số lượng và tỷ lệ DN có nhu cầu được hỗ trợ để kê khai thuế qua mạng



Biểu đồ 16b: Số lượng DN có nhu cầu được hỗ trợ để KKT qua mạng

2. Đề xuất, kiến nghị của DN để việc KKT qua mạng được thuận lợi hơn

Hầu hết các doanh nghiệp đều nhận thấy rõ lợi ích to lớn của việc kê khai thuế mang lại. Tuy nhiên để việc kê khai thuế qua mạng được tiến hành sâu rộng hơn trong cộng đồng doanh nghiệp thì về phía các doanh nghiệp được điều tra cũng có những đề xuất, kiến nghị nhất định đối với Nhà nước, Tổng cục thuế và các nhà cung cấp dịch vụ và cụ thể như sau:

Đối với Nhà nước

Các doanh nghiệp đều mong muốn Nhà nước sớm phủ sóng đường truyền Internet toàn diện để tất cả các doanh nghiệp ở mọi miền của đất nước đều có thể tham gia kê khai thuế qua mạng nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí và công sức cho doanh nghiệp, đặc biệt những doanh nghiệp thuộc vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh đó doanh nghiệp cũng mong muốn Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng chữ ký số miễn phí để việc triển khai kê khai thuế qua mạng được phổ biến hơn.

Đối với Tổng cục thuế

Có thể nói ngành thuế đã cung cấp cho các doanh nghiệp các dịch vụ rất hữu ích để doanh nghiệp thực sự cảm thấy thuận tiện, nhanh chóng và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp đối với việc kê khai thuế qua mạng. Tuy nhiên, bên cạnh những dịch vụ ngành thuế đã làm được doanh nghiệp vẫn cần ngành thuế cần có sự giúp đỡ tích cực hơn nữa để doanh nghiệp tham gia ngày càng nhiều hơn.

Phần lớn các doanh nghiệp đều phàn nàn về chất lượng đường truyền khi truy cập vào trang thông tin điện tử ngành thuế. Liên quan đến vấn đề này các doanh nghiệp rất cần ngành thuế nâng cấp hệ thống đường truyền để doanh nghiệp truy cập được nhanh chóng hơn và quá trình tải thông tin, gửi tờ khai cũng được thuận tiện hơn tránh trường hợp như hiện nay các ngày cuối tháng việc nộp hồ sơ qua mạng thường bị nghẽn mạng gây mất thời gian cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc tăng cường hơn nữa sự trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế về vấn đề hướng dẫn doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng cũng được rất nhiều doanh nghiệp quan tâm. Các doanh nghiệp mong muốn hoặc có nhân viên phụ trách để trả lời điện thoại cho doanh nghiệp khi họ gặp khó khăn trong

quá trình kê khai và nộp tờ khai hoặc trên trang điện tử của ngành thuế luôn có sẵn các tình huống cụ thể để nếu các doanh nghiệp gặp những vướng mắc trong quá trình kê khai và nộp tờ khai thuế qua mạng thì họ có thể tham khảo để thực hiện.

Một số doanh nghiệp mong muốn áp dụng chung phần mềm kê khai thuế qua mạng tại công ty mẹ cho các chi nhánh trực thuộc.

Về thông tin trên trang điện tử một số doanh nghiệp nhận thấy có một số mẫu tờ khai còn thiếu khiến doanh nghiệp phải nộp bản viết tay bổ sung. Vì vậy, họ mong có đầy đủ các mẫu tờ khai để triển khai đồng bộ qua mạng.

Một số doanh nghiệp do máy tính cài chương trình IE9 nên không thể gửi được hồ sơ qua mạng và chỉ khi cài lại máy tính và dùng IE8 mới đăng nhập được và gửi được hồ sơ. Đây cũng là một điều bất lợi cần được cơ quan thuế bổ sung, nâng cấp chương trình để có thể đăng nhập được ở mọi loại hình kết nối Internet như: IE9, FireFox....

Đối với các nhà cung cấp dịch vụ

Các doanh nghiệp có mong muốn, đề xuất các nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số hỗ trợ họ trong việc sử dụng chữ ký số để kê khai thuế qua mạng.